Tiếng Nước Tôi

Bài Tập 5

Tiếng Nước Tôi

Lớp 5

Họ và Tên: _____

Thầy/Cô: _____

Niên Khóa: _____

Trường Thánh Tôma Thiện
Giáo Xứ Thánh Giuse
Grand Prairie, Texas
www.tomathien.org

Phiên Bản 2016

Lời Ngỏ

Bảo tồn ngôn ngữ và văn hóa Việt là một trong những ước mơ của phần lớn các gia đình Việt Nam ở hải ngoại.

Việc dạy và học tiếng Việt đã trở thành công việc không thể thiếu trong hầu hết các cộng đồng người Việt. Để đáp ứng nhu cầu đó, các thầy cô trường Thánh Tôma Thiện qua bao năm tháng ấp ủ đã biên soạn một bộ sách giáo khoa ***Tiếng Nước Tôi***.

Các bài học trong tập sách này được các thầy cô góp nhặt từ những sách giáo khoa Việt văn được xuất bản trước năm 1975 tại miền Nam Việt Nam và tại các trung tâm Việt Ngữ tại hải ngoại.

Một số bài trong bộ sách này được trích từ những tác phẩm của các nhà giáo, nhà văn, nhà thơ, mà vì hoàn cảnh chúng tôi không thể trực tiếp xin phép được. Kính mong quý vị, vì lợi ích của việc bảo tồn tiếng Việt và cũng vì lòng quảng đại xin cho chúng tôi được mạn phép làm công việc này.

Bộ sách này được biên soạn với rất nhiều nỗ lực của các thầy cô, nhưng chắc chắn cũng không tránh khỏi những khiếm khuyết. Chúng tôi mong muốn các nhà trí thức, nhà giáo, hay các bậc cha mẹ vui lòng bỏ qua. Chúng tôi sẵn sàng lắng nghe những phê bình, góp ý của quý vị.

Ban Biên Soạn
Trường Thánh Tôma Thiện

Mục Lục

Bài 1: Chú Khỉ Lưu Manh 1
Bài 2: Sồi Và Đám Sậy 11
Bài 3: Chú Rùa Kiêu Căng..... 23
Bài 4: Con Lừa Và Bao Muối 33
Bài 5: Ếch Và Chuột 43
Bài 6: Con Công..... 53
Bài 7: Quạ Đội Lốt Công 63
Bài 8: Cáo Và Dê 73
Bài 9: Con Cáo Và Chùm Nho 83
Bài 10: Chó Và Sói 93
Bài 11: Gia Tài 103
Bài 12: Gã Keo Kiệt..... 113
Bài 13: Chú Bé Chăn Cừu..... 123
Bài 14: Người Bạn Tham Lam..... 133
Bài 15: Mèo Và Chuột Già 143
Bài 16: Quạ Và Cáo 153
Bài 17: Mèo, Gà Và Chuột Con..... 163
Bài 18: Chuột Nhà Và Chuột Đồng 173
Bài 19: Rìu Vàng Rìu Bạc..... 183
Bài 20: Con Lừa Và Hai Bố Con 193

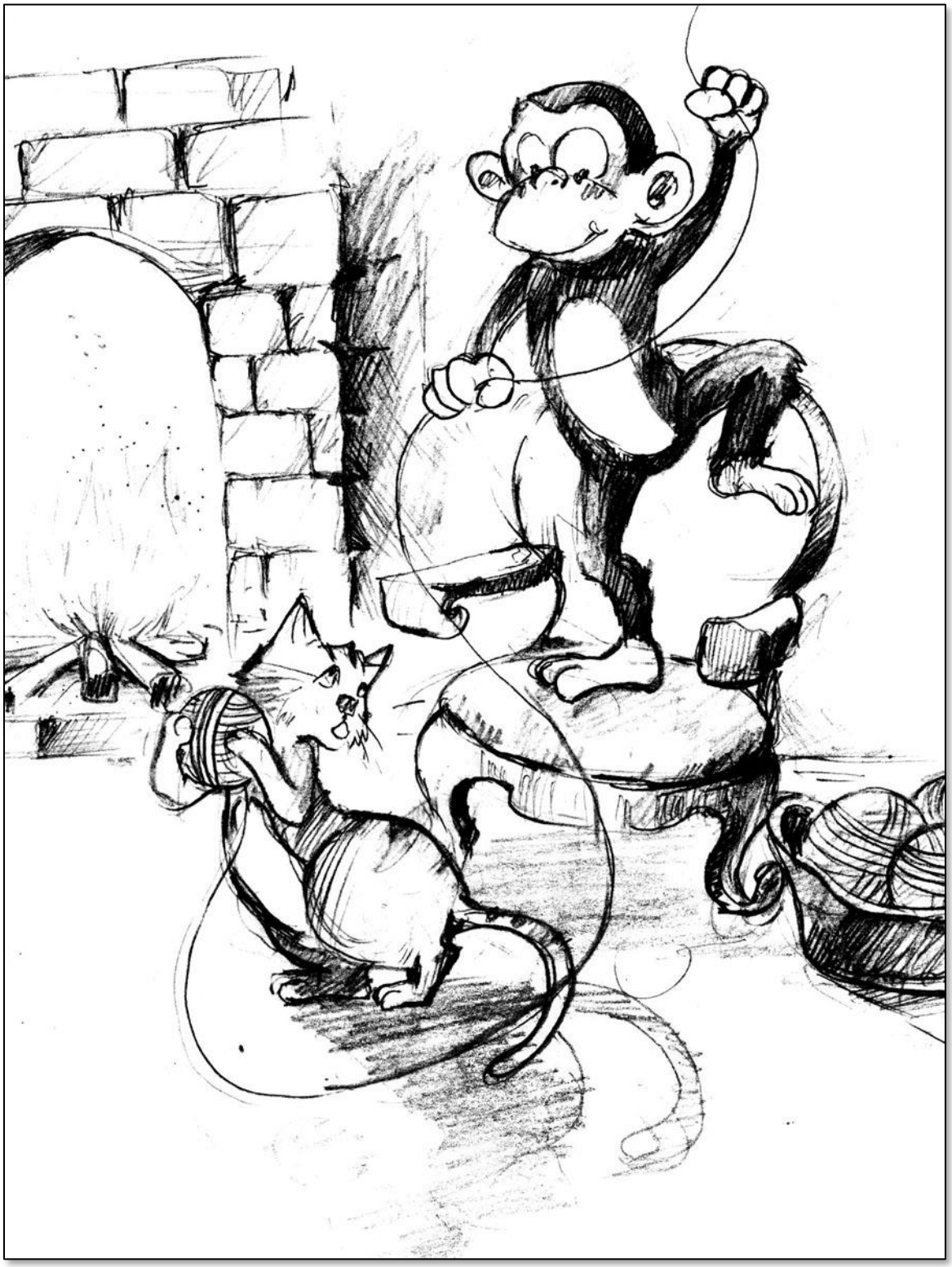

Bài 1: Chú Khỉ Lưu Manh

Thứ Hai: Tập Đọc

Lưu manh: *scoundrel*	**Đùa nghịch:** *playing*	**Chọc ghẹo:** *teasing*
Khều: *pull out*	**Nịnh hót:** *flatter*	**Lợi dụng:** *take advantage of*

Thuở xa xưa, có một con Mèo và một con Khỉ chơi với nhau rất thân. Lúc nào chúng cũng đùa nghịch chọc ghẹo nhau.

Một hôm chúng thấy trong lò sưởi có mấy hột đậu phụng rang sắp chín. Khỉ nói:

— *Mày giỏi hơn tao. Mày khều đậu phụng ra rồi chúng mình cùng ăn.*

Mèo thò chân vào lò, gẩy ra được vài hột, rồi rụt chân lại. Nó thử vài lần nữa, kéo ra thêm được ít nữa. Mèo kéo ra hột nào thì Khỉ bỏ ngay vào miệng nhai hết.

Khi ông chủ đi lại, Khỉ trốn mất, còn Mèo ở lại bị phạt. Từ đó, Mèo không còn chơi với Khỉ nữa và chỉ ăn chuột mà thôi.

Mèo học được bài học đích đáng: *Kẻ nịnh hót luôn tìm cách lợi dụng lòng tốt của người khác*.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Mèo và Khỉ thấy gì trong lò sưởi?

2. Mỗi lần Mèo khều được đậu phụng, Khỉ làm gì?

3. Trong khi Mèo bị phạt, Khỉ làm gì?

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. **Thuở xa xưa**, có một con Mèo và một con Khỉ chơi với nhau rất thân. Từ "**thuở xa xưa**" có nghĩa là:

   - *Hôm nay.*
   - *Ngày mai.*
   - *Nhiều năm trước.*

2. Lúc nào chúng cũng đùa nghịch **chọc ghẹo** nhau. Từ "**chọc ghẹo**" có nghĩa là:

   - *Đánh nhau.*
   - *Khen ngợi.*
   - *Làm cho xấu hổ, bực tức.*

3. Mày giỏi hơn tao. Mày **khều** đậu phụng ra rồi chúng mình cùng ăn. Từ "**khều**" có nghĩa là:

   - *Đẩy vào.*
   - *Kéo ra.*
   - *Vất đi.*

4. Khi ông chủ đi lại, Khỉ trốn mất, còn Mèo ở lại **bị phạt**. Từ "**bị phạt**" có nghĩa là:

   - *Bị trừng trị vì có lỗi.*
   - *Bị đuổi đi.*
   - *Được khen thưởng.*

5. Kẻ **nịnh hót** luôn tìm cách lợi dụng lòng tốt của người khác. Từ "**nịnh hót**" có nghĩa là:

   - *Chê bai thậm tệ.*
   - *Chơi rất thân.*
   - *Khen quá lời để lấy lòng.*

6. Kẻ nịnh hót luôn tìm cách **lợi dụng** lòng tốt của người khác. Từ "**lợi dụng**" có nghĩa là:

   - *Dùng của kẻ khác làm lợi cho mình.*
   - *Làm hại người khác.*
   - *Làm lợi cho người khác.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-1 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

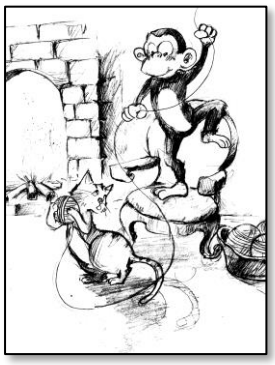

Thuo xa xua, co mot con Meo va mot con Khi choi voi nhau rat than.

Mot hom chung thay trong lo suoi co may hot dau phung rang sap chin.

Meo keo ra hot nao thi Khi bo ngay vao mieng nhai het.

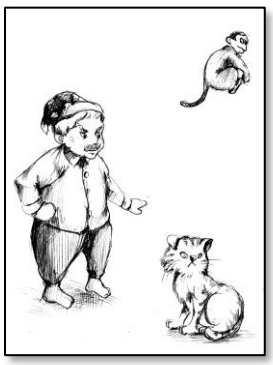

Tu do, Meo khong con choi voi Khi nua va chi an chuot ma thoi.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-1 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

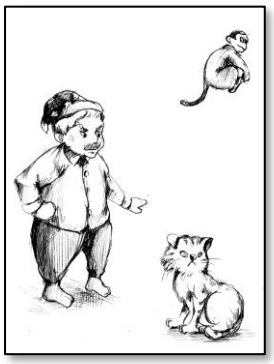

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-1 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Thuở xa xưa, có mộc con Mèo và một con Khỉ chôi với nhau rất thâng. (3 lỗi)

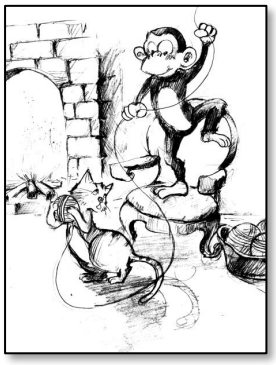

_____

_____

_____

_____

_____

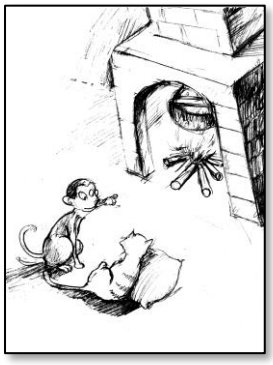

Một hôm chúng thấy trong lò sưỡi có mấy hộc đậu phộng răng sắp chín. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Mèo thò chân vào lò, gẩy ra đượt vài hợt, rồi rụt châng lại. (3 lỗi)

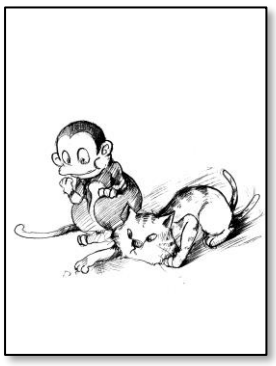

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Văn Phạm – Danh Từ

(Cho các em tìm và khoanh tròn các danh từ trong những câu sau.)

1. Con ếch sống ở trong một cái giếng.

2. Cá mập có nhiều lớp răng nhọn hoắc.

3. Con cá vàng đang ngoáp trên mặt nước.

4. Anh Bình là một huynh trưởng gương mẫu.

5. Con gà trống gáy không ra tiếng vì khát nước.

6. Loan có mái tóc xoăn tự nhiên trông rất đáng yêu.

7. Minh thường ước mơ trở thành một cầu thủ chơi bóng rổ xuất sắc.

8. Mỗi buổi sáng, Thiên và Trinh ra đầu đường để đón xe buýt đi học.

9. Bình giúp bố xoáy những con ốc để lắp ráp cái bàn học mà bố mới mua.

10. Mỗi khi em bị bệnh, mẹ luôn kề cận săn sóc em, kể cả những đêm khuya.

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Lời nhắn:	*message*	**Chừng nào:**	*when*
Chắc:	*sure*	**Làm ơn:**	*please*

Vào chiều Thứ Ba, Hoa đang học bài ở nhà thì có tiếng điện thoại reo…

Bác Trung: A-lô, cho tôi gặp bác Thành được không?
Hello, may I speak to Mr. Thành?

Hoa: Dạ thưa bác, bố cháu không có ở nhà. Bác có lời nhắn gì cho bố cháu không?
Sir, he's not home. Do you have a message for him?

Bác Trung: Cháu có biết chừng nào thì bố sẽ về không?
Do you know when he'll be back?

Hoa: Dạ, cháu không chắc lắm.
I'm not very sure.

Bác Trung: Cảm ơn cháu nhé. Làm ơn nói với bố là có bác Trung gọi.
Thank you. Please tell him Mr. Trung called.

Hoa: Dạ, khi bố về cháu sẽ cho bố biết để gọi lại bác.
Yes sir, when dad gets home, I'll let him know so that he can call you back.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Busy:	*bận*	**Go to work:**	*đi làm*
Stop by:	*ghé qua*	**Office:**	*văn phòng*

My dad is busy.

_____

_____

_____

Do you know when he'll go to work?

_____

_____

_____

I'll let him know to stop by the office.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 2: Sồi Và Đám Sậy

Thứ Hai: Tập Đọc

Thon thả: *slender*	**Ngạo nghễ:** *proudly*	**Thảm thiết:** *mournful*
Lăn tăn: *slight ripple*	**Phong ba:** *stormy*	**Chống chọi:** *fought against*

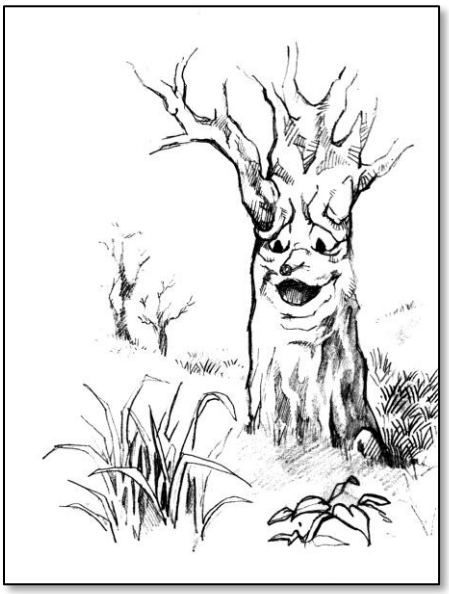

Một cây Sồi cổ thụ đứng gần một con suối có vài đám Sậy thon thả mọc. Khi gió thổi, cây Sồi to lớn ngạo nghễ đứng thẳng vươn những nhánh cây của nó lên tận trời cao. Trong lúc đó, những cây Sậy lại rạp mình trong gió và kêu rên thảm thiết buồn bã.

Sồi nói:

— *Các ngươi kêu than cũng phải. Chỉ một ngọn gió nhẹ làm mặt nước hơi lăn tăn chút xíu thôi cũng đủ làm cho các ngươi phải cúi rạp mình xuống, nhưng ta đây, ta là một cây sồi mạnh mẽ, luôn đứng thẳng vững vàng trước cả những cơn bão táp phong ba dữ dội nhất.*

Đám Sậy trả lời:

— *Xin ông đừng lo cho chúng tôi. Gió chẳng làm gì hại nổi chúng tôi đâu. Chúng tôi chỉ rạp mình trước gió để cho khỏi bị gãy mà thôi. Nhưng ông phải coi chừng, rồi cũng có lúc ông sẽ ngã gục.*

Ngay khi đám Sậy vừa nói xong, một cơn bão mạnh từ phương Bắc bỗng nổi lên. Sồi đứng thẳng kiêu hãnh chống chọi với sức gió. Trong lúc đó, đám Sậy lại rạp mình xuống đất.

Gió thổi tới tấp, và cuối cùng Sồi không còn chịu nổi nữa ngã vật ra, rễ bật lên, và đổ nhào xuống đám Sậy tội nghiệp.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Khi gió thổi, cây Sồi như thế nào?

2. Khi gió thổi, đám Sậy như thế nào?

3. Sau cơn bão, chuyện gì đã xảy ra với Sồi?

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Một cây Sồi cổ thụ đứng gần một con suối có vài đám Sậy **thon thả** mọc. Từ "**thon thả**" có nghĩa là:

   - *Mỏng giòn, dễ gãy.*
   - *Nhỏ gọn, mềm mại.*
   - *To lớn, cứng cáp.*

2. Trong lúc đó, những cây Sậy lại rạp mình trong gió và **kêu rên** thảm thiết buồn bã. Từ "**kêu rên**" có nghĩa là:

   - *Gọi người khác.*
   - *Nói nhỏ nhẹ.*
   - *Than van.*

3. Chỉ một ngọn gió nhẹ làm mặt nước hơi **lăn tăn** chút xíu thôi cũng đủ làm cho các ngươi phải cúi rạp mình xuống. Từ "**lăn tăn**" có nghĩa là:

   - *Mặt nước hơi gợn.*
   - *Phẳng lặng, êm ả.*
   - *Xáo động dữ dội.*

4. ...ta là một cây sồi mạnh mẽ, luôn đứng thẳng vững vàng trước cả những cơn bão táp **phong ba** dữ dội... Từ "**phong ba**" có nghĩa là:

   - *Có gió lớn.*
   - *Có mưa đá.*
   - *Có tuyết rơi.*

5. Sồi đứng thẳng kiêu hãnh **chống chọi** với sức gió. Từ "**chống chọi**" có nghĩa là:

   - *Bị bật rễ.*
   - *Cố gắng để khỏi bị đổ.*
   - *Nằm rạp xuống.*

6. Gió thổi **tới tấp**, và cuối cùng Sồi không còn chịu nổi nữa ngã vật ra... Từ "**tới tấp**" có nghĩa là:

   - *Nhẹ nhàng.*
   - *Liên tục, dồn dập.*
   - *Xoáy mạnh.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-2 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

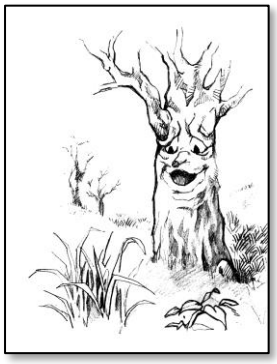

Trong luc do, nhung cay Say lai rap minh trong gio va keu ren tham thiet buon ba.

Chi mot ngon gio nhe lam mat nuoc hoi lan tan chut xiu thoi cung du lam cho cac nguoi phai cui rap minh xuong.

Chung toi chi rap minh truoc gio de khoi bi gay ma thoi.

Ngay khi dam Say vua noi xong, mot con bao manh tu phuong Bac bong noi len.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-2 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-2 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Khi gió thổi, cái Sồi to lớn ngạo ngễ đứng thẳng vươn những nhánh cây của nó lên tận trời cao. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Nhưn ông phải coi chừng, rồi cùng có lúc ông sẽ nghã gục. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Tron lúc đó, đám Sậy lạy rạp mình suống đất. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Văn Phạm – Thể Của Động Từ

(Cho các em đổi những câu sau có động từ đang ở thể thụ động sang câu có động từ ở thể tác động.)

1. Bố được mẹ tặng một chiếc đồng hồ.

_____

_____

_____

2. Anh Thuận bị cảnh sát phạt vì chạy quá tốc độ.

_____

_____

_____

3. Hiền được mẹ chở đi chợ mua quần áo.

_____

_____

_____

4. Hôm qua, Thiện bị con chó rượt tới đầu đường.

_____

_____

_____

5. Chiếc áo mới của Khang bị Vũ làm dơ.

_____

_____

_____

Văn Phạm – Thì Của Động Từ

(Hãy đổi những câu dưới đây để chỉ các thì sau:)

1. Chú Quốc dẫn bé Nam đi sở thú.

   Thì quá khứ: _____

   Thì quá khứ rất gần: _____

   Thì tương lai: _____

   Thì tương lai rất gần: _____

2. Mẹ mua một chậu hoa lan trắng để biếu bà.

   Thì quá khứ: _____

   Thì quá khứ rất gần: _____

   Thì tương lai: _____

   Thì tương lai rất gần: _____

3. Bố mang xe qua nhờ chú Thu sửa.

   Thì quá khứ: _____

   Thì quá khứ rất gần: _____

   Thì tương lai: _____

   Thì tương lai rất gần: _____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Mượn:	*borrow, loan*	**Xài:**	*spent*
Tiền tiêu vặt:	*allowance*	**Khá giả:**	*well-off*

Nhân túng tiền. Anh ta muốn mượn chút tiền của Phương, nhưng rồi biết được Phương cũng nghèo…

Nhân: Anh cho tớ mượn đỡ chút tiền được không?
Can you loan me some money?

Phương: Xin lỗi. Tớ đã xài sạch số tiền tiêu vặt của tuần này rồi.
Sorry. I've already spent all my allowance for the week.

Nhân: Anh xài hết tiền cũng nhanh thế? Tớ cứ tưởng anh được khá giả.
You've spent all you money so quickly? I thought you were well-off.

Phương: Đâu có! Anh biết tớ lúc nào cũng tiền khô cháy túi.
No way! You know money always burns a hole in my pocket.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

How much:	*bao nhiêu*	**Need:**	*cần*
Gave:	*cho*	**Still:**	*vẫn*

How much money do you need?

_____

_____

_____

I've already spent the money dad gave me.

_____

_____

_____

I thought you still have money.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

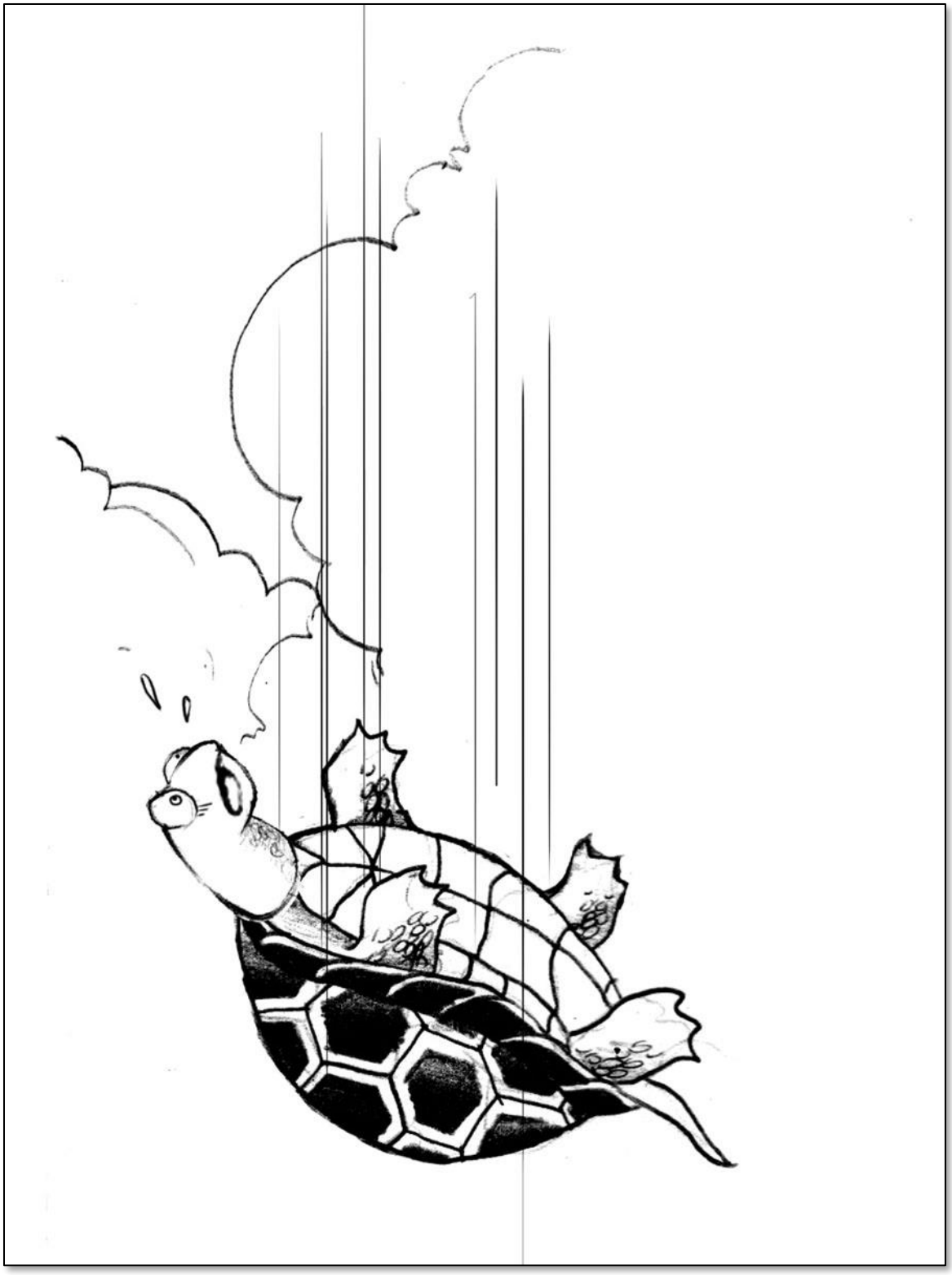

Bài 3: Chú Rùa Kiêu Căng

Thứ Hai: Tập Đọc

Bất mãn: *dissatisfied*	**Ao ước:** *wish, crave*	**Tâm sự:** *confide in*
Hối hận: *regret*	**Cảnh tượng:** *sight*	**Hãnh diện:** *to be proud of*

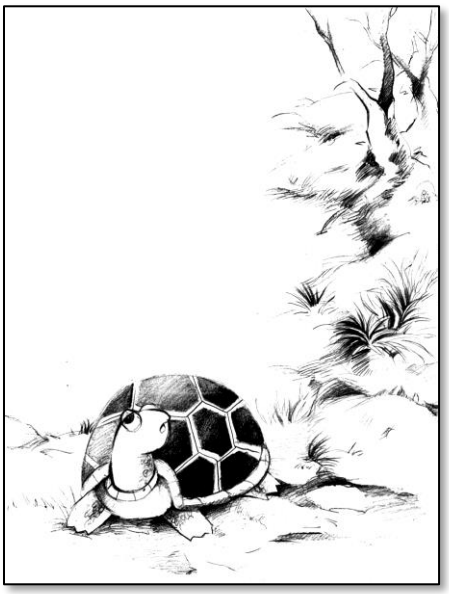

Rùa đi đâu cũng vác ngôi nhà trên lưng. Khi nhìn thấy mọi loài thú vật khác chạy nhảy tung tăng đây đó, Rùa cảm thấy buồn và bất mãn. Nó ao ước được nhìn thấy thế giới, nhưng căn nhà nặng nề trên lưng cùng với đôi chân ngắn nhỏ bé khiến nó không thể đi đâu xa.

Một hôm, nó gặp một đôi Vịt và tâm sự mọi điều đó cho Vịt nghe. Vịt bảo:

— *Chúng tôi sẽ giúp bạn. Hãy cắn chặt cây gậy này. Chúng tôi sẽ đưa bạn lên cao để bạn nhìn được tất cả xứ sở. Nhưng nhớ là không được mở miệng, nếu không thì bạn sẽ phải hối hận đấy.*

Rùa hết sức vui mừng. Nó cắn chặt lấy cây gậy. Đôi Vịt quặp hai đầu cây và đưa nó bay lên cao đến tận mây xanh.

Bỗng dưng có một con Quạ bay ngang. Nó hết sức ngạc nhiên khi nhìn thấy cảnh tượng đó và la lên:

— *Đây chắc đúng là vua của loài rùa rồi!*

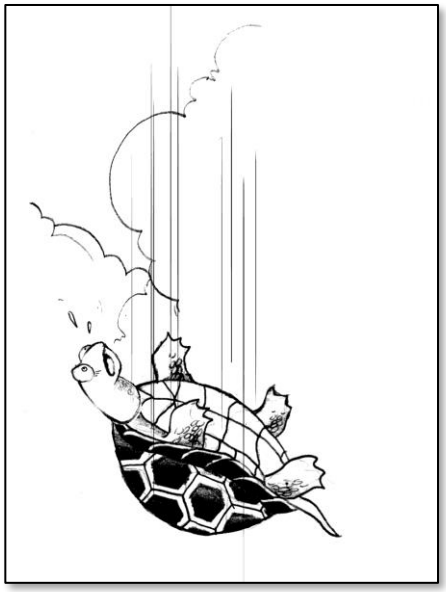

Rùa hãnh diện mở miệng nói:

— *Đúng thế!*

Nhưng ngay khi Rùa mở miệng trả lời thì cây gậy tuột ra khỏi miệng nó. Rùa liền rơi xuống đất, đụng phải đá và tan ra từng mảnh.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Vì sao Rùa cảm thấy buồn và bất mãn?

2. Bằng cách nào đôi Vịt đã giúp Rùa thấy được thế giới?

3. Điều gì đã xảy ra khi Rùa mở miệng trả lời Quạ?

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Khi nhìn thấy mọi loài thú vật khác chạy nhảy **tung tăng** đây đó... Từ "**tung tăng**" có nghĩa là:

   - *Bực bội chạy tới chạy lui.*
   - *Vui mừng chạy đi chạy lại.*
   - *Té lên té xuống.*

2. ...Rùa cảm thấy buồn và **bất mãn**. Từ "**bất mãn**" có nghĩa là:

   - *Hài lòng.*
   - *Không hài lòng.*
   - *Giận dữ.*

3. Nó **ao ước** được nhìn thấy thế giới... Từ "**ao ước**" có nghĩa là:

   - *Chờ đợi.*
   - *Mong muốn.*
   - *Tìm kiếm.*

4. Một hôm, nó gặp một đôi Vịt và **tâm sự** mọi điều đó cho Vịt nghe. Từ "**tâm sự**" có nghĩa là:

   - *Chửi nhau.*
   - *Lắng nghe nhau.*
   - *Nói chuyện riêng tư với nhau.*

5. Đôi Vịt **quặp** hai đầu cây và đưa nó bay lên cao đến tận mây xanh. Từ "**quặp**" có nghĩa là:

   - *Giữ chặt.*
   - *Nới lỏng.*
   - *Nghiền nát.*

6. Nó hết sức **ngạc nhiên** khi nhìn thấy cảnh tượng đó. Từ "**ngạc nhiên**" có nghĩa là:

   - *Bất ngờ, lấy làm lạ.*
   - *Bình tĩnh.*
   - *Buồn rầu.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-3 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

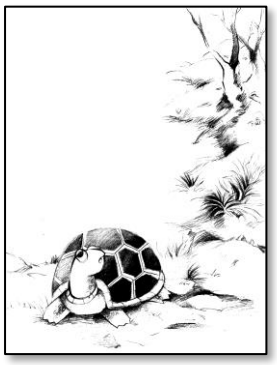

Khi nhin thay moi loai thu vat khac chay nhay tung tang day do, Rua cam thay buon va bat man.

Doi Vit quap hai dau cay va dua no bay len cao den tan may xanh.

Day chac dung la vua cua loai rua roi!

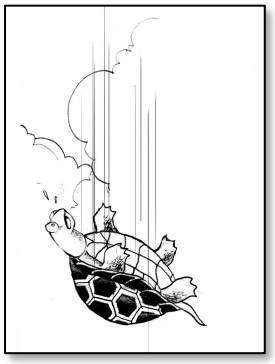

Rua lien roi xuong dat, dung phai da va tan ra tung manh.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-3 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

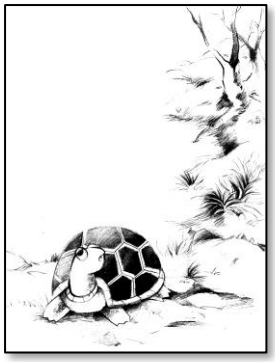

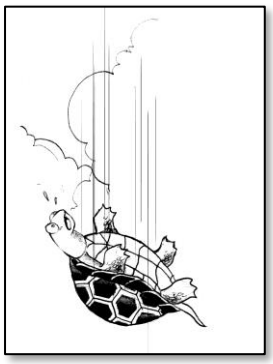

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-3 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Rùa đi đâu cũn vác nghôi nhà chên lưng. (3 lỗi)

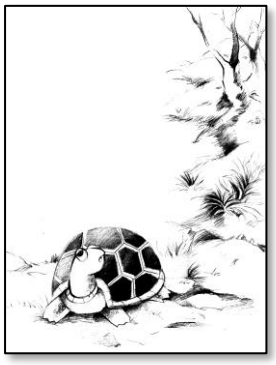

_____

_____

_____

_____

_____

Nhưng nhớ là khôn được mở miệng, nếu không thì bạn sẽ phãi hối hận đấi. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Nhưng ngai khi mở miệng trả lời thì cây gậy tuốt ra khõi miệng nó. (3 lỗi)

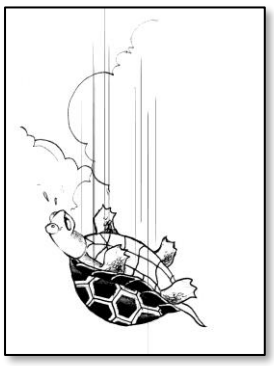

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn (Ở Đâu?)

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn vào những câu sau.)

1. Chú Quân dẫn Hải đi chơi bóng chuyền.

_____

_____

_____

2. Anh Thoại giúp bố đẩy xe.

_____

_____

_____

3. Việt dẫn bé Đức đi coi múa lân.

_____

_____

_____

4. Mùa thu năm nay, anh Nhân sẽ vào đại học.

_____

_____

_____

5. Mỗi sáng chị Thảo chạy bộ gần một tiếng đồng hồ.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Toán:	*math*	**Lịch sử:**	*history*
Văn:	*literature*	**Đệ Nhị Thế Chiến:**	*World War II*
Thơ:	*poem*	**Thông minh:**	*smart*

Bố hỏi Trí về việc học…

Bố: Hôm nay con học gì ở trường vậy?
What did you study at school today?

Trí: Hôm nay con học toán, lịch sử và văn. Con được 100 điểm trong lớp toán. Trong lớp lịch sử, con học về Đệ Nhị Thế Chiến. Còn trong lớp văn, con đang tập viết thơ.
Today I studied math, history and literature. I got 100 points in math class. In history class, I learned about World War II. And in literature class, I am practicing writing poems.

Bố: Hoan hô Trí! Con thiệt là thông minh!
Hurray Trí! You are so smart!

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Friend's house:	*nhà bạn*	**Hide-and-seek:**	*ú tim*
With:	*với*	**Piano:**	*đàn dương cầm*

What did you do at your friend's house today?

_____

_____

_____

I played hide-and-seek with Tâm.

_____

_____

_____

I am practicing playing the piano.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 4: Con Lừa Và Bao Muối

Thứ Hai: Tập Đọc

Người lái buôn: *merchant*	**Trượt:** *slip*	**Sung sướng:** *happy, elated*
Đắc thắng: *victorious*	**Cố ý:** *intentional*	**Cực nhọc:** *laboriously*

Một người lái buôn, từ biển đánh Lừa chở hai bao đầy muối đi về nhà. Trên đường về nhà có một khúc sông cạn có thể lội qua. Trước đây họ đã đi qua khúc sông này nhiều lần bình an vô sự, nhưng lần này, khi mới đi được đến giữa sông, con Lừa bỗng trượt chân và té xuống nước.

Khi người lái buôn vực được Lừa đứng dậy, phần lớn số muối đã bị tan vào nước. Sung sướng vì đã nhẹ hẳn với món hàng trên lưng, con Lừa hớn hở đi nốt đoạn đường về nhà.

Hôm sau, người lái buôn lại bắt Lừa đi chở muối một lần nữa. Trên đường đi, con Lừa bỗng nhớ đến sự việc xảy ra ngày hôm trước, nên khi đến khúc sông cạn, nó liền cố ý té xuống. Như lần trước, số muối trong bao tan vào nước. Món hàng trở nên nhẹ tênh. Con Lừa đứng dậy ra về với vẻ đắc thắng.

Người lái buôn giận dữ lập tức quay lưng trở lại biển, chất lên lưng Lừa hai bao bọt biển thật to.

Đến khúc sông cạn, con Lừa lại một lần nữa cố ý té xuống. Nào ngờ, hai bao bọt biển trên lưng Lừa thấm nước trở nên nặng trịch. Con lừa phải cực nhọc lê từng bước mới về tới nhà.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Khi tới khúc sông cạn, chuyện gì đã xảy ra?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

2. Khi tới khúc sông cạn lần thứ hai, vì sao Lừa cố ý té xuống nước?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

3. Chuyện gì đã xảy ra trong lần cuối cùng?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Trên đường về nhà có một khúc sông **cạn** có thể lội qua. Từ "**cạn**" có nghĩa là:

   - *Gần sát bờ.*
   - *Nông, không sâu.*
   - *Rất sâu.*

2. Trước đây họ đã đi qua khúc sông này nhiều lần bình an **vô sự**, nhưng lần này, khi mới đi được đến giữa sông, con Lừa bỗng trượt chân và té xuống nước. Từ "**vô sự**" có nghĩa là:

   - *Gặp nhiều khó khăn.*
   - *Gặp nhiều nguy hiểm.*
   - *Không có chuyện gì xảy ra.*

3. Khi người lái buôn **vực** được Lừa đứng dậy, phần lớn số muối đã bị tan vào nước. Từ "**vực**" có nghĩa là:

   - *Hố sâu.*
   - *Đẩy té.*
   - *Giúp kéo dậy.*

4. Sung sướng vì đã nhẹ hẳn với món hàng trên lưng, con Lừa hớn hở **đi nốt** đoạn đường về nhà. Từ "**đi nốt**" có nghĩa là:

   - *Đi chầm chậm.*
   - *Đi hết đoạn còn lại.*
   - *Vừa đi vừa kiếm.*

5. Con Lừa đứng dậy ra về với **vẻ đắc thắng**. Từ "**vẻ đắc thắng**" có nghĩa là:

   - *Niềm thất vọng vì đã thua.*
   - *Niềm tự hào vì đã thắng.*
   - *Sự khinh thường người khác.*

6. Con lừa phải **cực nhọc** lê từng bước mới về tới nhà. Từ "**cực nhọc**" có nghĩa là:

   - *Giận dữ.*
   - *Vui vẻ.*
   - *Vất vả.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-4 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Tren duong ve nha co mot khuc song can co the loi qua.

Sung suong vi da nhe han voi mon hang tren lung, con Lua hon ho di not doan duong ve nha.

Hom sau, nguoi lai buon lai bat Lua di cho muoi mot lan nua.

Nao ngo, hai bao bot bien tren lung Lua tham nuoc tro nen nang trich.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-4 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-4 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Khi người lái buông vực được Lừa đứng dậy, phần lớn số muối đả bị tang vào nước. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Như lần chước, số muối tron bao tang vào nước. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Người lái buôn giận dứ lập tức quai lưng trở lại biển, chấc lên lưng Lừa hai bao bọt biển thật to. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn (Ở Đâu?)

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn vào những câu sau.)

1. Bố sơn hàng rào màu trắng.

_____

_____

_____

2. Mẹ dẫn bé Tâm đi chích ngừa.

_____

_____

_____

3. Nguyệt theo bố mẹ đi đón ông bà.

_____

_____

_____

4. Châu tìm thấy sợi dây chuyền.

_____

_____

_____

5. Sang năm, cả nhà sẽ đi du lịch.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Chuyến đi:	*trip*	**Nhớ đời:**	*memorable*
Trước tiên:	*first*	**Ven biển:**	*coastal*

Đức đang kể cho Lân nghe về chuyến đi thăm Việt Nam, nhưng anh ta bị ngắt lời bởi một cú điện thoại. Lúc anh ta trở lại thì đã quên câu chuyện đã kể đến đâu…

Đức: Ồ, tớ đã nói tới đâu rồi?
Oh, where was I?

Lân: Anh vừa đang nói về chuyến đi thăm Việt Nam với bố mẹ.
You were talking about your trip to Vietnam with your parents.

Đức: À, phải.
Oh, yeah.

Lân: Chắc đó là một chuyến đi nhớ đời.
It must have been a memorable trip.

Đức: Đúng vậy. Anh có biết chúng tôi đến nơi nào trước tiên không?
Yep. Do you know where we went first?

Lân: Thành phố ven biển Nha Trang? Sài Gòn? Vịnh Hạ Long?
The coastal city of Nha Trang? Saigon? Ha Long Bay?

Đức: Sai! Nhà của ông bà ngoại!
Wrong! My grandparents' house!

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Europe:	*Âu Châu*	**Interesting:**	*thú vị*
All over:	*khắp nơi*	**Places:**	*nơi*

You were talking about your trip to Europe.

_____

_____

_____

It must have been an interesting trip.

_____

_____

_____

Yes, I traveled all over Europe and saw many interesting places.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 5: Ếch Và Chuột

Thứ Hai: Tập Đọc

Bờ ao: *pond shore*	**Liều mạng:** *risk one's life*	**Bội tín:** *deceitful*
Sặc: *choked*	**Chắc chắn:** *undamaged, firm*	**Lủng lẳng:** *dangling*

Ở một bờ ao nọ, có một con Ếch rủ một con Chuột bơi xuống ao chơi. Mặc dù Chuột có thể bơi được đôi chút, nó cũng chẳng dám liều mạng nhào xuống ao một mình.

Nhưng Ếch đã có cách: nó lấy một cây sậy còn chắc chắn buộc chân Chuột vào chân nó. Thế rồi nó nhào xuống ao, kéo lê theo thằng bạn ngu ngốc đàng sau nó.

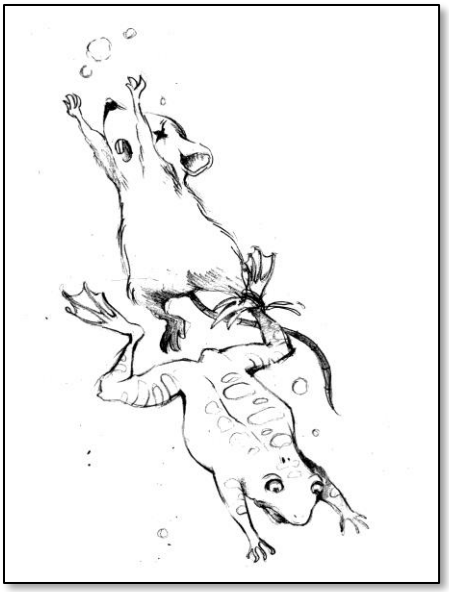

Chỉ một lát sau, Chuột đã bị sặc nước và muốn quay vào bờ. Nhưng tên Ếch bội tín kia lại bày trò khác: nó kéo Chuột lặn xuống nước và dìm cho Chuột chết.

Trên mặt ao, một con Diều Hâu lao xuống, quắp lấy con Chuột chết. Ếch chưa kịp cởi sợi dây sậy vẫn còn cột chân con Chuột chết nên bị kéo theo lủng lẳng. Vậy là chỉ cần một lần lao xuống bắt mồi, Diều Hâu đã bắt được cả hai con.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Ếch đã dùng cách gì để rủ Chuột bơi xuống ao chơi?

2. Vì sao Chuột bị chết?

3. Vì sao Ếch bị Diều Hâu kéo theo lủng lẳng?

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Nó cũng chẳng dám liều mạng **nhào** xuống ao một mình. Từ "**nhào**" có nghĩa là:

   - *Trèo lên.*
   - *Nhảy xuống.*
   - *Ngã xuống.*

2. ...**kéo lê** theo thằng bạn ngu ngốc đàng sau nó. Từ "**kéo lê**" có nghĩa là:

   - *Lôi theo.*
   - *Nắm tay nhau.*
   - *Nhảy múa.*

3. Tên Ếch **bội tín** kia lại bày trò khác. Từ "**bội tín**" có nghĩa là:

   - *Giữ lời hứa.*
   - *Không giữ lời hứa.*
   - *Thật thà.*

4. Nó kéo Chuột lặn xuống nước và **dìm** cho Chuột chết. Từ "**dìm**" có nghĩa là:

   - *Đánh nhau.*
   - *Đè đầu xuống nước.*
   - *Ôm chặt.*

5. Trên mặt ao, một con Diều Hâu lao xuống, **quắp** lấy con Chuột chết. Từ "**quắp**" có nghĩa là:

   - *Bắt, giữ chặt.*
   - *Ném đi.*
   - *Nới lỏng.*

6. Chỉ cần một lần **lao** xuống bắt mồi... Từ "**lao**" có nghĩa là:

   - *Cất cánh bay lên cao.*
   - *Đâm từ trên cao xuống.*
   - *Lượn vòng vòng trên không.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-5 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Mac du Chuot co the boi duoc doi chut, no cung chang dam lieu mang nhao xuong ao mot minh.

The roi no nhao xuong ao, keo le theo thang ban ngu ngoc dang sau no.

Chi mot lat sau, Chuot da bi sac nuoc va muon quay vao bo.

Ech chua kip coi soi day say van con cot chan con Chuot chet nen bi keo theo lung lang.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-5 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

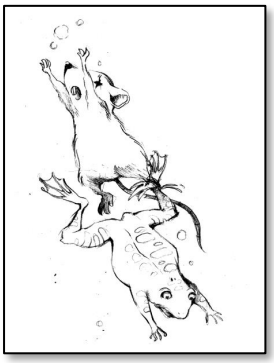

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-5 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Ở một bờ ao nợ, có một con Ếch rủ một con Chuột bôi xuống ao trơi. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Nhưng Ếch đã có một các: nó lấy một cây sậy còn chắc chắng buộc chân Chuột vảo chân nó. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Chì một lát sau, Chuột đá bị sặc nước và muốn quai vào bờ. (3 lỗi)

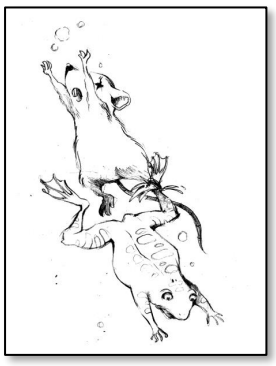

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn (Khi Nào?)

(Cho các em thêm chi tiết về thời gian vào những câu sau.)

1. Bố mẹ mua cho Sơn một chú chó con.

_____

_____

_____

2. Mai làm bể chai nước mắm.

_____

_____

_____

3. Lễ tặng Nhân một chiếc áo sơ-mi màu xanh.

_____

_____

_____

4. Cái cây trước nhà bị gió thổi gãy.

_____

_____

_____

5. Bố đóng một cái chuồng cho chú chó của Sơn.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Xin lỗi:	*sorry*	**Nhích:**	*scoot*

Quân và bạn đón xe điện để đi xem một trận đấu bóng rổ ở trung tâm thành phố. Vừa bước lên xe lửa, anh ấy liếc nhìn và thấy có một chỗ trống…

Quân: Này anh. Ghế này đã có người ngồi chưa?
Excuse me. Is this seat taken?

Người lạ: (Tháo dây nghe nhạc ra khỏi tai) Xin lỗi. Anh vừa mới nói gì?
(Take off the headphones.) I'm sorry. What did you just say?

Quân: Có người nào ngồi ghế này không?
Anybody using this seat?

Người lạ: Không. Anh ngồi đi.
No. You can sit.

Quân: Anh có thể nhích qua một ghế để bạn của tôi cùng ngồi chung được không?
Can you scoot over one seat so my friend can sit with us?

Người lạ: Được thôi, không thành vấn đề.
Okay, no problem.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Want:	*muốn*	**Last:**	*cuối cùng*
Piece:	*miếng*	**Chicken:**	*thịt gà*
Hand:	*đưa*	**Plate:**	*đĩa*

Anybody want this last piece of chicken?

_____

_____

_____

You can eat it.

_____

_____

_____

Can you hand me a plate?

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 6: Con Công

Thứ Hai: Tập Đọc

Niềm tự hào: *pride*	**Hoàng hôn:** *sunset*	**Khẩn nài:** *implore, beg*
Lộng lẫy: *splendid*	**Khệnh khạng:** *strut*	**Kềnh càng:** *bulky*

Ngày xưa, Công chưa có được bộ lông đẹp đẽ như bây giờ. Bộ lông này, đang là niềm tự hào lớn lao của nó, là do một vị thần đã ban tặng cho Công khi Công khẩn nài xin cho được một bộ lông đuôi khác hẳn đuôi của các loài chim khác.

Với bộ trang phục mới lộng lẫy, lấp lánh màu ngọc lục bảo, vàng, tím và xanh da trời, Công khệnh khạng kênh kiệu với tất cả các loài chim khác. Chúng nhìn Công mà ghen tức. Ngay cả con Phượng Hoàng đẹp đẽ cũng cảm thấy sắc đẹp của mình chìm hẳn khi đứng cạnh Công.

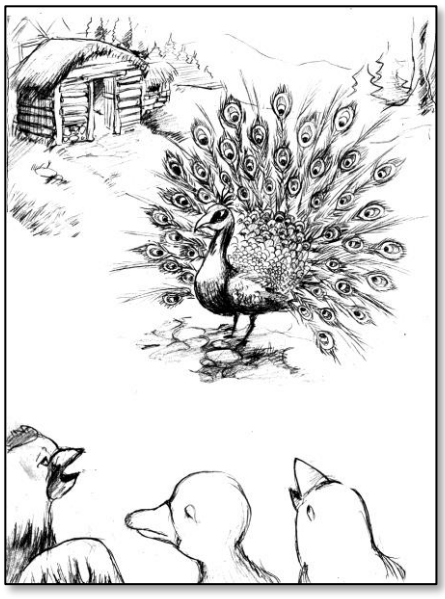

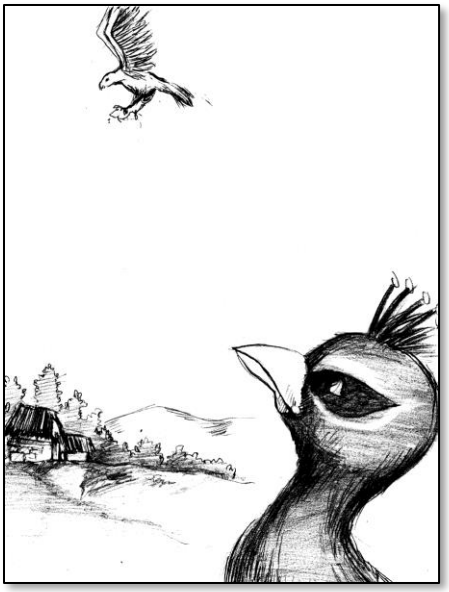

Nhưng khi nhìn thấy Đại Bàng tung cánh vọt lên trời cao xanh thẳm, Công lại thèm được bay như trước đây khi chưa có bộ đuôi kềnh càng. Vỗ mạnh đôi cánh, Công cố gắng nâng mình lên khỏi mặt đất. Nhưng sức nặng của cái đuôi kia lại kéo nó trở lại.

Thay vì được bay cao chào đón những tia nắng sớm hay tắm mình trong ráng chiều của buổi hoàng hôn, Công chỉ có thể bước đi nặng nề trên mặt đất với cái đuôi vướng vất khổ sở.

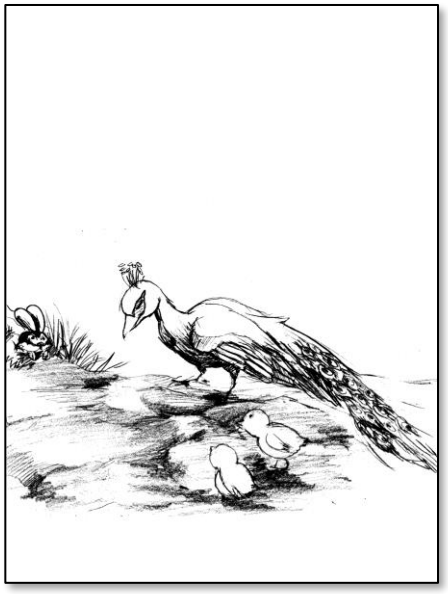

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Cái gì là niềm tự hào lớn lao của con Công?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

2. Vì sao các loài chim khác nhìn Công mà ghen tức?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

3. Vì sao Công không thể bay được nữa?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Với bộ trang phục mới lộng lẫy, **lấp lánh** màu ngọc lục bảo, vàng, tím và xanh da trời... Từ "**lấp lánh**" có nghĩa là:

   - *Chiếu sáng.*
   - *Không có màu sắc.*
   - *Tối thui.*

2. ...Công khệnh khạng **kênh kiệu** với tất cả các loài chim khác. Từ "**kênh kiệu**" có nghĩa là:

   - *Hiền lành.*
   - *Hung dữ.*
   - *Tỏ vẻ hơn người khác.*

3. Chúng nhìn Công mà **ghen tức**. Từ "**ghen tức**" có nghĩa là:

   - *Ganh tỵ vì người khác hơn mình.*
   - *Hãnh diện vì mình hơn người khác.*
   - *Xấu hổ vì mình thua kém người.*

4. Nhưng khi nhìn thấy Đại Bàng tung cánh **vọt** lên trời cao xanh thẳm... Từ "**vọt**" có nghĩa là:

   - *Bay lên thật nhanh.*
   - *Bay vòng vòng.*
   - *Từ từ bay lên.*

5. Công lại thèm được bay như trước đây khi chưa có bộ đuôi **kềnh càng**. Từ "**kềnh càng**" có nghĩa là:

   - *Choáng chỗ, vướng víu.*
   - *Gọn gàng.*
   - *Nhẹ nhàng.*

6. ...Công chỉ có thể bước đi nặng nề trên mặt đất với cái đuôi vướng vất **khổ sở**. Từ "**khổ sở**" có nghĩa là:

   - *Đau buồn.*
   - *Khóc lóc.*
   - *Sung sướng.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-6 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Ngay xua, Cong chua co duoc bo long dep de nhu bay gio.

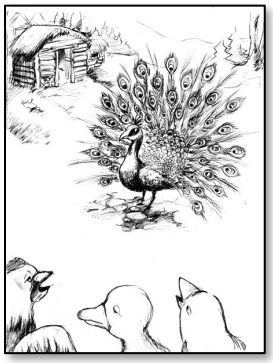

Ngay ca con Phuong Hoang dep de cung cam thay sac dep cua minh chim han khi dung canh Cong.

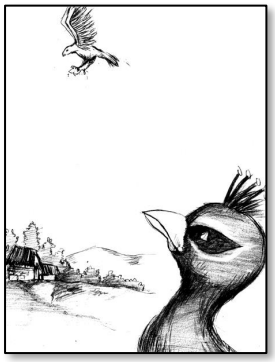

Vo manh doi canh, Cong co gang nang minh len khoi mat dat.

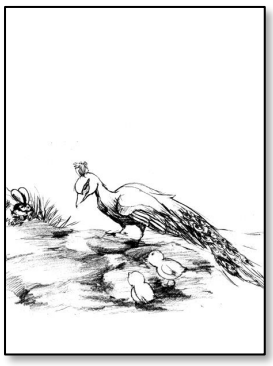

Cong chi co the buoc di nang ne tren mat dat voi cai duoi vuong vat kho so.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-6 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

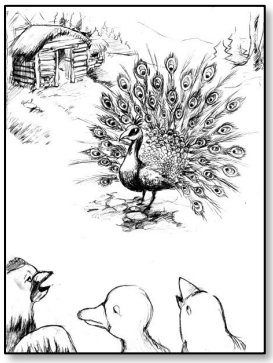

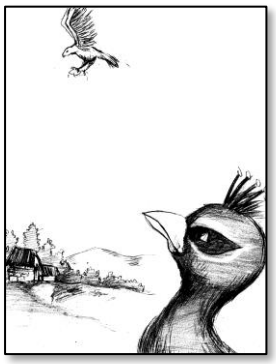

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-6 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Công khẩn này xin cho được một bộ lôn đuôi khác hẵn đuôi của các loài chim khác. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

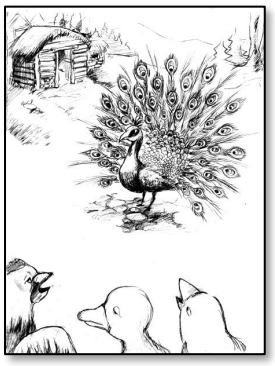

Công kệnh khạng kênh kiệu với tất cả cách loài trim khác. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Công chỉ có thể bước đi nặn nề trên mặt đất với cái đuôi vướn vất khổ sờ. (3 lỗi)

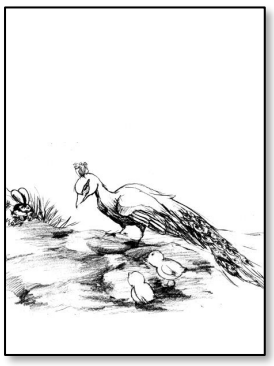

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Khi Nào?

(Cho các em thêm chi tiết về thời gian vào những câu sau.)

1. Anh Tùng nhờ chú Quốc vẽ một bức tranh để tặng ông nội.

_____

_____

_____

2. Hồng nhờ chị Linh mua vải để may áo dài.

_____

_____

_____

3. Ông dẫn Huy đi viện bảo tàng để coi tranh.

_____

_____

_____

4. Thùy phụ mẹ chiên chả giò.

_____

_____

_____

5. Mẹ dạy Mai nấu bún riêu.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Cảm thấy:	*feel*	**Chóng mặt:**	*dizzy*
Sổ mũi:	*runny nose*	**Nhiệt độ:**	*temperature*
Medicine tablets:	*viên thuốc*	**Báo:**	*inform*

Trí bị bệnh…

Mẹ: Con cảm thấy như thế nào?
How are you feeling, son?

Trí: Con cảm thấy hơi chóng mặt. Con cũng bị sổ mũi nữa.
I am a little dizzy. I also got a runny nose.

Mẹ: Để mẹ đo nhiệt độ cho con. Nhiệt độ con hơi cao. Chắc là bị cảm lạnh. Con hãy uống hai viên thuốc này. Nếu mai không bớt, con khỏi phải đi học. Mẹ sẽ báo cho thầy cô con biết.
Let me take your temperature. Your temperature is little high. Perhaps you have a cold. Take these two medicine tablets. If you don't get better tomorrow, you don't have to go to school. I will inform your teachers.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Nauseated:	*buồn nôn*	**Stomach ache:**	*đau bụng*
Bowl:	*tô*	**Congee:**	*cháo*

I feel nauseated.

_____

_____

_____

I got a stomach ache.

_____

_____

_____

Eat this bowl of congee.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 7: Quạ Đội Lốt Công

Thứ Hai: Tập Đọc

Ghen tị: *jealous*	**Lấp lánh:** *sparkle*	**Vụng về:** *clumsy*
Trang phục: *costume*	**Vay mượn:** *borrowed*	**Nghênh ngang:** *strut, swagger*

Một con Quạ đen tình cờ bay ngang qua vườn thượng uyển của nhà vua. Nó nhìn thấy ở đó mọi thứ đều lạ lùng và đâm ra ghen tị cả với đàn Công hoàng gia trong những bộ lông lấp lánh hào quang của chúng.

Quạ ngẫm thấy mình vừa đen vừa xấu, mà lại vừa thô kệch vụng về. Thế nhưng nó bỗng nghĩ rằng để muốn cho đẹp được như lũ Công kia thì chẳng có gì là khó, chỉ cần ăn mặc như chúng là đẹp ngay thôi. Quạ bèn nhặt mấy cái lông Công rụng ở sân và cắm chúng vào bộ lông đen của mình.

Trong bộ trang phục vay mượn ấy, Quạ nghênh ngang đi qua đi lại giữa đồng loại của mình. Rồi nó bay thẳng xuống vườn thượng uyển của vua để hòa vào đàn Công hoàng gia. Nhưng lũ Công mau chóng nhận ra nó. Tức giận vì bị lừa, chúng liền chạy đến, mổ giựt hết những cọng lông vay mượn ấy trên mình Quạ và nhổ luôn cả lông riêng của Quạ nữa.

Con Quạ tội nghiệp buồn bã đau đớn bay trở về với đàn quạ của mình. Nhưng còn một việc khác bất ngờ nữa đang chờ đón nó. Lũ quạ chưa quên được cái vẻ kênh kiệu đáng ghét hôm nào của nó, liền trừng phạt nó bằng những cú mổ tới tấp cùng với những lời giễu cợt cay đắng.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Hãy kể ra sự khác biệt giữa Quạ và Công.

_____

_____

_____

_____

_____

_____

2. Vì sao Quạ bị đàn Công mổ?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

3. Vì sao Quạ bị chúng bạn giễu cợt?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Một con Quạ đen **tình cờ** bay ngang qua vườn thượng uyển của nhà vua. Từ "**tình cờ**" có nghĩa là:

   - *Có dự tính trước.*
   - *Không dự tính trước, ngẫu nhiên.*
   - *Sắp đặt sẵn sàng.*

2. Nó nhìn thấy ở đó mọi thứ đều **lạ lùng**... Từ "**lạ lùng**" có nghĩa là:

   - *Lạ đến mức ngạc nhiên.*
   - *Quen thuộc.*
   - *Thân thuộc.*

3. ...và đâm ra **ghen tị** cả với đàn Công hoàng gia trong những bộ lông lấp lánh hào quang của chúng. Từ "**ghen tị**" có nghĩa là:

   - *Cảm thấy mặc cảm, xấu hổ.*
   - *Hãnh diện vì mình hơn người.*
   - *Tức tối vì người khác hơn mình.*

4. Trong bộ trang phục vay mượn ấy, Quạ **nghênh ngang** đi qua đi lại giữa đồng loại của mình. Từ "**nghênh ngang**" có nghĩa là:

   - *Cúi đầu, mắc cở.*
   - *Khúm núm, tự hạ thấp mình.*
   - *Vênh váo, không kiêng nể ai.*

5. Rồi nó bay thẳng xuống **vườn thượng uyển** của vua để hòa vào đàn Công hoàng gia. Từ "**vườn thượng uyển**" có nghĩa là:

   - *Vườn hoa của vua.*
   - *Vườn rau của vua.*
   - *Vườn trái cây của vua.*

6. Lũ quạ chưa quên được cái vẻ **kênh kiệu** đáng ghét hôm nào của nó... Từ "**kênh kiệu**" có nghĩa là:

   - *Dễ mến.*
   - *Khiêm tốn.*
   - *Kiêu căng, coi thường người khác.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-7 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Mot con Qua den tinh co bay ngang qua vuon thuong uyen cua nha vua.

Qua ben nhat may cai long Cong rung o san va cam chung vao bo long den cua minh.

Trong bo trang phuc vay muon ay, Qua nghenh ngang di qua di lai giua dong loai cua minh.

Nhung con mot viec khac bat ngo nua dang cho don no.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-7 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-7 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Quạ ngấm thấy mình vừa đen vừa xấu, mà lạy vừa thô kệch vùng về. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Rồi nó bai thẳng xuống vường thượng uyển của vua để hòa vào đằn Công hoàng gia. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Con Quạ tội nghiệp buồng bã đau đỡn bay trở về với đàn quạ của mình. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn (Ở Đâu? Khi Nào?)

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn và thời gian vào những câu sau.)

1. Anh Long mua bộ cờ tướng để biếu bác Trung.

_____

_____

_____

2. Gia đình em đi coi văn nghệ Tết.

_____

_____

_____

3. Gia đình Vũ mới mua một căn nhà.

_____

_____

_____

4. Hương dẫn chú chó Bi-Bi đi dạo.

_____

_____

_____

5. Trúc hẹn Thủy ở quán nước.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Bài tập về nhà:	*homework*	**Nhớ:**	*remember*
Trả lời:	*answer*	**Câu hỏi:**	*question*

Cuối lớp, thầy giáo định cho các em ra về, nhưng hôm nay dường như thầy đã quên một việc gì mà nghĩ không ra. Chợt có em học sinh hỏi…

Học sinh: Thưa thầy, chúng em có bài tập về nhà cho tuần sau không?
Sir, do we have homework for next week?

Thầy giáo: À, có chứ. Thầy nhớ ra rồi. Các em về nhà đọc từ trang 34 đến 42, và trả lời những câu hỏi ở trang 43.
Ah, yes. Now I remember. Please read pages 34 through 42, and answer the questions on page 43 at home.

Học sinh: Dạ, còn gì nữa không ạ?
Sir, anything else?

Thầy giáo: Ờ, không cần làm câu số 9 và 11; mình sẽ làm những câu đó trong lớp. Vậy thôi.
Uh, you don't need to do questions 9 and 11; we'll do those in class. That's it.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Test:	*thi kiểm tra*	**Exercise:**	*bài tập*
Solve:	*giải*	**Math problems:**	*bài toán*

Do we have a test next week?

_____

_____

_____

Please do exercise 7 at home.

_____

_____

_____

We'll solve those math problems next week.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 8: Cáo Và Dê

Thứ Hai: Tập Đọc

Chờ đợi: *waiting*	**Xảo quyệt:** *cunning, crafty*	**Chồm:** *jump on*
Ngu ngốc: *foolish*	**Cảnh ngộ:** *plight*	**Năn nỉ:** *beg, plead*

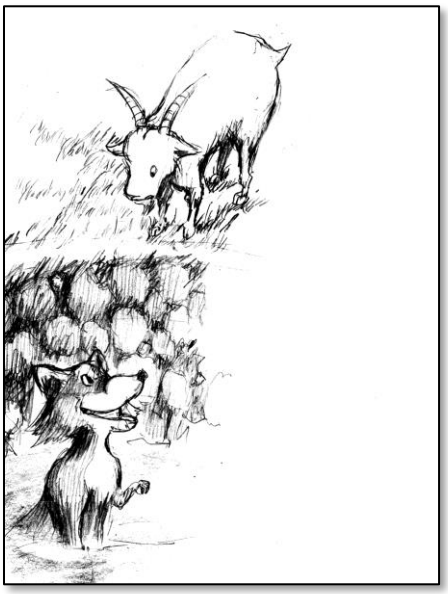

Một con Cáo rơi xuống giếng, mặc dù giếng không sâu, nhưng nó vẫn thấy khó lòng lên được khỏi miệng giếng.

Sau một lúc nằm chờ đợi rất lâu, một con Dê khát nước tìm đến giếng để uống. Dê cứ tưởng Cáo đã xuống giếng để uống nước, nên nó mới hỏi xem nước có ngon không.

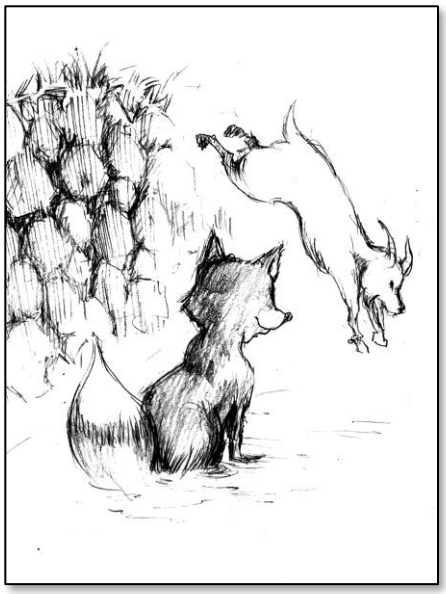

Cáo xảo quyệt nói:

— *Ngon nhất trong vùng này đấy. Cứ nhảy xuống mà uống cho biết. Có nhiều nước lắm, cả hai ta uống cũng chẳng sao hết được.*

Dê khát nước bèn nhảy xuống ngay và chuẩn bị uống.

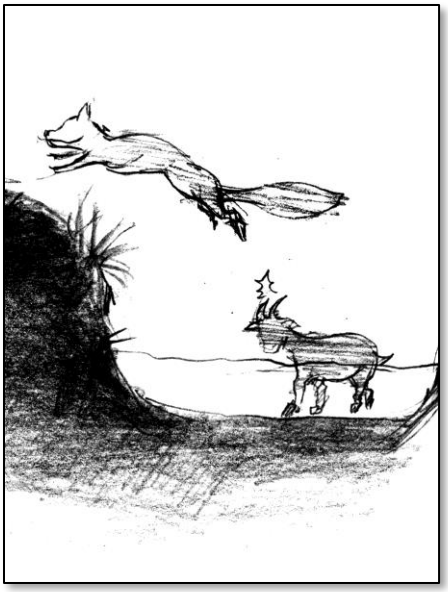

Ngay khi đó Cáo lập tức chồm lên lưng Dê, đạp lên sừng Dê nhảy lên khỏi miệng giếng. Con Dê ngu ngốc lúc đó mới hiểu ra được mình đã sa vào cảnh ngộ như thế nào.

Dê năn nỉ Cáo giúp đỡ kéo Dê lên. Cáo trả lời:

— *Nếu trí óc của mi mà cũng tốt như bộ râu kia của mi, Dê già ạ, thì mi phải nghĩ xem sẽ lên khỏi giếng bằng cách nào trước khi mi nhảy xuống chứ.*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Dê tới giếng để làm gì?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

2. Vì sao Dê lại nhảy xuống giếng?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

3. Cáo đã làm gì để lên khỏi miệng giếng?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Một con Cáo rơi xuống giếng, mặc dù giếng không sâu, nhưng nó vẫn thấy **khó lòng** lên được khỏi miệng giếng. Từ "**khó lòng**" có nghĩa là:

   - *Không bằng lòng.*
   - *Không thể được.*
   - *Rất dễ dàng.*

2. Cáo **xảo quyệt** nói: "Ngon nhất trong vùng này đấy. Cứ nhảy xuống mà uống cho biết..." Từ "**xảo quyệt**" có nghĩa là:

   - *Dối trá, lừa người khác.*
   - *Thật thà.*
   - *Thông minh.*

3. Dê khát nước bèn nhảy xuống ngay và **chuẩn bị** uống. Từ "**chuẩn bị**" có nghĩa là:

   - *Chờ đợi.*
   - *Mời gọi.*
   - *Sẵn sàng.*

4. Ngay khi đó Cáo lập tức **chồm** lên lưng Dê, đạp lên sừng Dê nhảy lên khỏi miệng giếng. Từ "**chồm**" có nghĩa là:

   - *Nhảy lên.*
   - *Nhảy qua.*
   - *Nhảy xuống.*

5. Dê **năn nỉ** Cáo giúp đỡ kéo Dê lên. Từ "**năn nỉ**" có nghĩa là:

   - *Cầu xin, van nài.*
   - *Chỉ bảo.*
   - *Ra lệnh.*

6. Nếu **trí óc** của mi mà cũng tốt như bộ râu kia của mi, Dê già ạ, thì mi phải nghĩ xem sẽ lên khỏi giếng bằng cách nào trước khi mi nhảy xuống chứ. Từ "**trí óc**" có nghĩa là:

   - *Khả năng nhận thức, suy nghĩ.*
   - *Mặt mũi.*
   - *Tóc tai.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-8 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

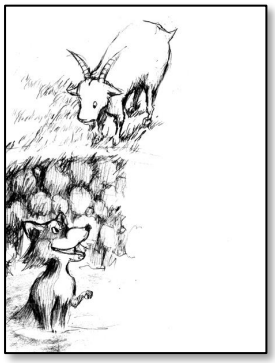

De cu tuong Cao da xuong gieng de uong nuoc, nen no moi hoi xem nuoc co ngon khong.

Co nhieu nuoc lam, ca hai ta uong cung chang sao het duoc.

Con De ngu ngoc luc do moi hieu ra duoc minh da sa vao canh ngo nhu the nao.

Mi phai nghi xem se len khoi gieng bang cach nao truoc khi mi nhay xuong chu.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-8 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

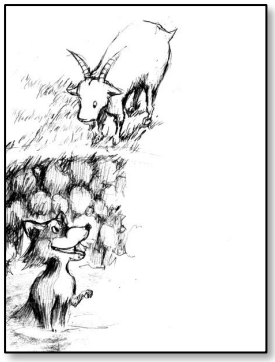

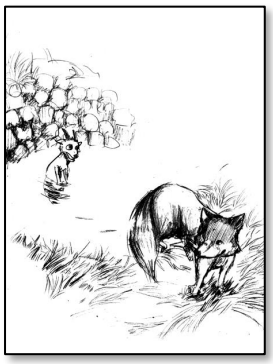

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-8 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Dê cứ tưởng Cáo đã xuốn giếng để uống nước, nên nó mới hỏi xem nước có nghon không. (3 lỗi)

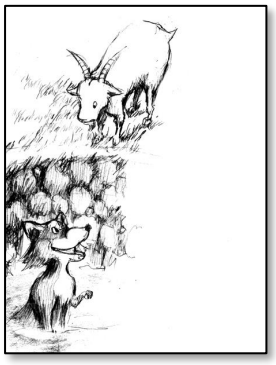

_____

_____

_____

_____

_____

Có nhiều nước lắm, cả hai ta uống cũn chẳng sao hết đượt. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Ngay khi đó Cáo lập tức chồm lên lưng Dê, đập lên sừng Dê nhải lên khỏi miện giếng. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Tại Sao?

(Cho các em thêm chi tiết về lý do vào những câu sau.)

1. Em phải siêng năng làm bài tập.

_____

_____

_____

2. Gia đình Tín dọn qua tiểu bang khác.

_____

_____

_____

3. Bố dẫn Sơn đi coi xiếc.

_____

_____

_____

4. Dì Ngọc đan cho Bé Vy một đôi găng tay.

_____

_____

_____

5. Quốc gọi điện thoại cho Tân.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Dậy:	*wake*	**Phút:**	*minute*
Trước khi:	*before*	**Chuẩn bị:**	*get ready*

Đồng hồ báo thức đang kêu. Vũ còn đang ngủ…

Mẹ: Vũ ơi! Tới giờ đi học rồi. Dậy đi con!
Vũ! It's time for school. Wake up!

Vũ: Mới có 7 giờ 15 sáng thôi. Cho con ngủ thêm chút nữa đi.
It's only 7:15 in the morning. Let me sleep a little longer.

Mẹ: Mới có 7 giờ 15 thôi?! Con chỉ còn mười lăm phút nữa trước khi phải đón xe buýt để đi học rồi. Thôi, đánh răng, rửa mặt rồi thay đồ để chuẩn bị đi học đi con.
Only 7:15?! You only have fifteen more minutes before catching the bus to go to school. Go brush your teeth, wash your face then change your clothes to get ready for school.

Vũ: Dạ.
Yes ma'am.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Watch:	*coi, xem*	**Days:**	*ngày*
Taking the test:	*thi kiểm tra*	**Dinner:**	*ăn tối*

Let me watch TV a little longer.

_____

_____

_____

I only have two more days before taking the test.

_____

_____

_____

Go wash your hand to get ready for dinner.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 9: Con Cáo Và Chùm Nho

Thứ Hai: Tập Đọc

Nhánh: *branch*	**Hấp dẫn:** *attractive*	**Quyết định:** *decide*
Lấy đà: *to gain momentum*	**Công lao:** *effort*	**Khinh khỉnh:** *disdainful*

Một hôm con Cáo bắt gặp một dây nho vắt ngang qua các nhánh của một cây cao. Trên đó có một chùm nho chín đỏ, mọng nước tưởng chừng như sắp vỡ ra. Con Cáo cứ đứng nhìn lên chùm nho hấp dẫn thèm nhỏ rãi.

Con Cáo quyết định phải nhảy lên để hái cho được chùm nho. Lần nhảy đầu tiên, nó vẫn còn cách chùm nho khá xa.

Thế nên nó đi ra xa gốc cây một quãng và chạy lại để lấy đà nhảy lên. Chỉ còn thiếu một chút nữa thôi là nó với tới chùm nho. Nó thử lại lần nữa và lại một lần nữa, nhưng tất cả đều vô ích.

Nó bèn ngồi xuống và nhìn chùm nho tức tối.

"*Mình mới ngu ngốc làm sao,*" nó bảo. "*Mình mất bao nhiêu công lao chỉ để lấy một chùm nho chua lè chẳng đáng cho người ta dòm đến.*"

Và thế là nó khinh khỉnh bỏ đi.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Lúc đầu Cáo thấy chùm nho như thế nào?

2. Cáo làm cách nào để cố hái chùm nho?

3. Cáo tỏ thái độ ra sao khi không hái được chùm nho?

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Con Cáo cứ đứng nhìn lên chùm nho hấp dẫn thèm **nhỏ rãi**. Từ "**nhỏ rãi**" có nghĩa là:

   - *Chảy nước mắt.*
   - *Chảy nước miếng.*
   - *Chảy nước mũi.*

2. Thế nên nó đi ra xa gốc cây **một quãng** và chạy lại để lấy đà nhảy lên. Từ "**một quãng**" có nghĩa là:

   - *Một đoạn đường dài.*
   - *Một đoạn đường ngắn.*
   - *Một thời gian ngắn.*

3. Chỉ còn thiếu một chút nữa thôi là nó **với tới** chùm nho. Từ "**với tới**" có nghĩa là:

   - *Đụng vào.*
   - *Nhai nát.*
   - *Ôm chặt.*

4. Nó thử lại lần nữa và lại một lần nữa, nhưng tất cả đều **vô ích**. Từ "**vô ích**" có nghĩa là:

   - *Có kết quả.*
   - *Không có kết quả.*
   - *Lấy được hết.*

5. Nó bèn ngồi xuống và nhìn chùm nho **tức tối**. Từ "**tức tối**" có nghĩa là:

   - *Đêm khuya.*
   - *Giận dữ.*
   - *Khóc lóc.*

6. Và thế là nó **khinh khỉnh** bỏ đi. Từ "**khinh khỉnh**" có nghĩa là:

   - *Chán nản.*
   - *Thích thú.*
   - *Tỏ vẻ bất cần, không thích thú.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-9 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Tren do co mot chum nho chin do, mong nuoc tuong chung nhu sap vo ra.

Lan nhay dau tien, no van con cach chum nho kha xa.

No thu lai lan nua va lai mot lan nua, nhung tat ca deu vo ich.

Minh mat bao nhieu cong lao chi de lay mot chum nho chua le chang dang cho nguoi ta dom den.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-9 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-9 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Con Cáo quyết định phải nhải lên để hái cho được chùm nho. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Chì còn thiếu một chút nứa thôi là nó với tới chùm nhơ. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Nó bèn ngồi xuốn và nhìn chùm nhơ tức tỗi. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Tại Sao?

(Cho các em thêm chi tiết về lý do vào những câu sau.)

1. Mẹ xin phép cô giáo cho Thảo nghỉ học.

_____

_____

_____

2. Cô giáo dặn học sinh phải đọc kỹ các câu hỏi trước khi trả lời.

_____

_____

_____

3. Trâm ở lại gặp cô giáo sau giờ học.

_____

_____

_____

4. Huy mua một hộp kẹo và một bó hoa hồng.

_____

_____

_____

5. Mẹ nhờ Phụng đun nước nấu trà.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Tàm tạm:	*so so*	**Cháu:**	*grandson, granddaughter*
Đau lưng:	*backache*	**Đấm lưng:**	*back massage*
Mệt:	*tired*	**Tiếng đồng hồ:**	*hour*

Việt đi thăm ông bà nội…

Việt: Chào ông nội. Chào bà nội. Ông bà có khỏe không?
Hello grandpa. Hello grandma. Are you both feeling well?

Ông: Chào cháu. Ông cũng tàm tạm. Ông hơi mệt vi ông chỉ ngủ có năm tiếng đồng hồ.
Hello. I am so so. I am a little tired because I only slept for five hours.

Bà: Bà thì đang bị đau lưng.
I am having backache.

Việt: Vậy để con đấm lưng cho bà.
Then let me give you a back massage, grandma.

Ông: Cháu tôi thiệt là giỏi! Khi nào xong, qua đấm lưng cho ông luôn. Ông sẽ cho cháu kẹo.
My grandson is so good. When finished, come give me a back massage also. I'll give you some candy.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Headache:	*nhức đầu*	**Money:**	*tiền*
Buy:	*mua*	**Play ball:**	*chơi banh*

I am having a headache.

_____

_____

_____

I will give you some money to buy books.

_____

_____

_____

I am a little tired because I played ball for two hours.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 10: Chó Và Sói

Thứ Hai: Tập Đọc

Rình mò: *lurk*	**Vất vả:** *hard, strenuous*	**Nhiệm vụ:** *responsibility*
Canh giữ: *guard*	**Phục vụ:** *serve*	**Tự do:** *freedom*

Con sói gầy đói rình mò gần bên làng và gặp ngay một chó nhà béo mập. Sói hỏi nó:

— *Chó nhà này, anh hãy cho tôi biết, các anh lấy cái ăn ở đâu ra thế?*

— *Con người cho chúng tôi.*

— *Chắc là các anh giúp con người một công việc vất vả?*

Chó nhà nói:

— *Không, công việc của chúng tôi đâu có vất vả gì. Nhiệm vụ của chúng tôi là đêm đêm canh giữ sân nhà thôi.*

— *Chỉ có vậy thôi? Vậy thì tôi cũng sẵn sàng đi làm công việc như các anh.*

— *Thế thì đi làm đi. Chủ nhà cũng sẽ cho cả anh ăn uống.*

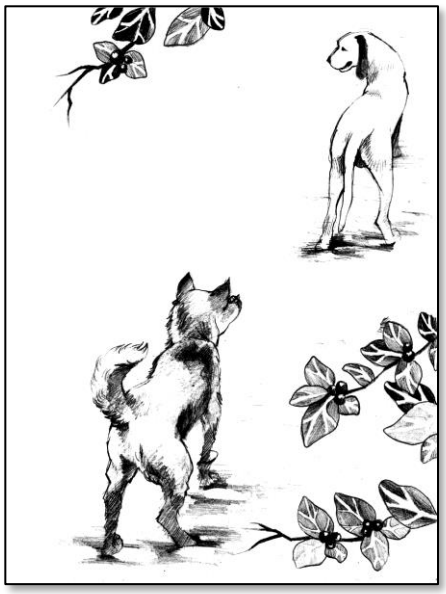

Sói mừng rỡ và cùng chó nhà đến phục vụ con người.

Sói vừa bước vào tới cổng nhà thì nom thấy lông ở cổ của chó nhà bị vết chà xát. Sói liền hỏi:

— *Chó nhà ơi, vì sao chỗ này lại thế?*

— *Ban ngày tôi bị xích nên cổ mới có vết chà xát.*

Nghe thấy thế, Sói liền quay đầu và bảo:

— *Thế thì chào anh nhé. Tôi chẳng đến với người đâu. Thà tôi không được béo tốt nhưng được sống tự do.*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Sói gặp chó nhà ở đâu?

2. Chó nhà phải làm gì để được đồ ăn?

3. Vì sao Sói đổi ý và không đến phục vụ con người?

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Con sói gầy đói **rình mò** gần bên làng và gặp ngay một chó nhà béo mập. Từ "**rình mò**" có nghĩa là:

   - *Chờ có cơ hội để làm việc tốt.*
   - *Lén lút dòm ngó để làm việc xấu.*
   - *Từ từ đi đến.*

2. Chắc là các anh giúp con người một công việc **vất vả**? Từ "**vất vả**" có nghĩa là:

   - *Cực nhọc, mệt mỏi.*
   - *Thoải mái.*
   - *Vui sướng.*

3. **Nhiệm vụ** của chúng tôi là đêm đêm canh giữ sân nhà thôi. Từ "**nhiệm vụ**" có nghĩa là:

   - *Việc của mình phải làm.*
   - *Việc của mình không cần làm.*
   - *Việc linh tinh.*

4. Nhiệm vụ của chúng tôi là đêm đêm **canh giữ** sân nhà thôi... Từ "**canh giữ**" có nghĩa là:

   - *Khóa lại để khỏi bị mất.*
   - *Cất giấu để khỏi bị mất.*
   - *Trông coi để khỏi bị mất.*

5. Sói mừng rỡ và cùng chó nhà đến **phục vụ** con người. Từ "**phục vụ**" có nghĩa là:

   - *Làm việc giúp ích cho mình.*
   - *Làm việc giúp ích cho người khác.*
   - *Không làm gì hết.*

6. Sói vừa bước vào tới cổng nhà thì nom thấy lông ở cổ của chó nhà bị vết **chà xát**. Từ "**chà xát**" có nghĩa là:

   - *Cọ đi cọ lại nhiều lần.*
   - *Sần sùi.*
   - *Trơn tru.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-10 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Con soi gay doi rinh mo gan ben lang va gap ngay mot cho nha beo map.

Nhiem vu cua chung toi la dem dem canh giu san nha thoi.

Soi vua buoc vao toi cong nha thi nom thay long o co cua cho nha bi vet cha xat.

Tha toi khong duoc beo tot nhung duoc cuoc song tu do.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-10 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

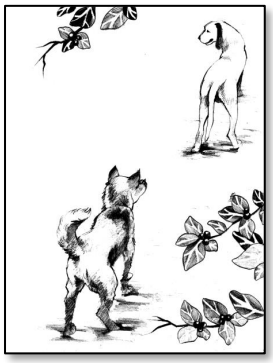

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-10 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Chó nhà này, anh hãi cho tôi biếc, các anh lấy cãi ăn ở đâu ra thế? (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Vậy thì tôi cũng sẵng sàng đi lảm công việc như các ănh. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Ban ngài tôi bị xíc nên cổ mối có vết chà xát. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Ở Đâu? Khi Nào? Tại Sao?

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn, thời gian và lý do vào những câu sau.)

1. Trung mua một con cá kiểng.

_____

_____

_____

2. Minh đứng đợi xe buýt.

_____

_____

_____

3. Chú Mạnh kiếm việc làm.

_____

_____

_____

4. Anh Tài chở Vũ đi trượt tuyết.

_____

_____

_____

5. Hiếu đang đứng đợi Nhân.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Bóng đá:	*soccer*	**Chung kết:**	*finals*
Đài:	*channel*	**Chương trình:**	*program*
Thích nhất:	*favorite*	**Cúp điện:**	*power outage*

Châu đang coi TV ở phòng khách. Đức trong phòng ra và xin đổi đài…

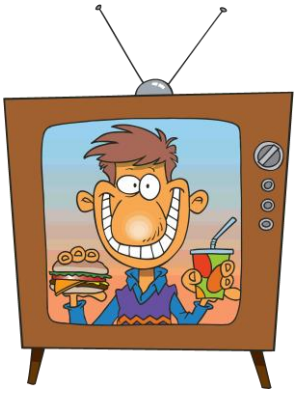

Đức: Châu, hôm nay có trận bóng đá chung kết trên ti-vi. Cho anh đổi đài để coi được không?
Châu, there's a soccer finals on TV. Can I change the channel to watch it?

Châu: Không được, em đang coi chương trình mà em thích nhất. Em ở đây trước mà.
No, I am watching my favorite program. I was here first.

Đức: Làm ơn đi!
Please!

Châu: Hừm… Cũng được. Nhưng nếu em cho anh đổi đài, anh phải thu dọn phòng của em một tuần, chịu không?
Hm… Alright. If I let you change the channel, you have to clean my room for a week, deal?

Đức: Được.
OK.

[Mấy phút sau.]

Đức: Ứ! Bị cúp điện rồi!
Ugh! The power is out!

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Use:	*dùng*	**Computer:**	*máy vi tính*
Play:	*chơi*	**Electronic game:**	*trò chơi điện tử*
Mow the lawn:	*cắt cỏ*	**Month:**	*tháng*

Can I use the computer?

_____

_____

_____

I am playing my favorite electronic game.

_____

_____

_____

You have to mow the lawn for a month.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 11: Gia Tài

Thứ Hai: Tập Đọc

Trường hợp: *circumstance*	**Ruộng đất:** *field, land*	**Kho tàng:** *treasure*
Vị trí: *location*	**Mùa vụ:** *harvest*	**Bội thu:** *profit*

Một bác nông dân giàu có khi về già, cảm thấy mình không còn sống được bao lâu nữa, gọi tất cả các con đến bên cạnh.

Bác nói:

— *Các con, trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được bán ruộng đất của gia đình ta. Trong các thửa đất này cha ông ta có cất giấu cả một kho tàng của cải châu báu. Cha không biết rõ vị trí của nó ở đâu. Đừng mất công tìm kiếm làm gì, cứ việc đào bới tất cả lên, đừng chừa chỗ nào cả.*

Khi người cha đã chết, các con của bác bắt đầu ra tay đào bới, cuốc lật tất cả mọi ngóc ngách trên thửa ruộng. Sau mùa vụ nào họ cũng cuốc như vậy đến hai ba lần.

Họ chẳng tìm kiếm được vàng bạc gì cả, nhưng khi thu hoạch mùa vụ xong, họ lời được một số tiền lớn hơn rất nhiều so với những người xung quanh. Họ hiểu ra rằng kho báu cha mình nói đó chính là số tiền bội thu từ mùa vụ.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Trước khi chết, bác nông dân đã trăn trối gì với các con?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

2. Những người con đã làm gì để tìm kiếm kho tàng?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

3. Gia tài của bác nông dân để lại cho các con là gì?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Trong các thửa đất này cha ông ta có **cất giấu** cả một kho tàng của cải châu báu. Từ "**cất giấu**" có nghĩa là:

   - *Bỏ vào nhà băng.*
   - *Để vào chỗ kín.*
   - *Phơi bày ra.*

2. Cha không biết rõ **vị trí** của nó ở đâu. Từ "**vị trí**" có nghĩa là:

   - *Chỗ, nơi chốn.*
   - *Ngày tháng.*
   - *Thời gian.*

3. Đừng mất công tìm kiếm làm gì, cứ việc **đào bới** tất cả lên, đừng chừa chỗ nào cả. Từ "**đào bới**" có nghĩa là:

   - *Đè bẹp xuống.*
   - *Lấp cho đầy.*
   - *Xới lên.*

4. ...các con của bác bắt đầu ra tay đào bới, cuốc lật tất cả mọi **ngóc ngách** trên thửa ruộng. Từ "**ngóc ngách**" có nghĩa là:

   - *Gò đất.*
   - *Góc, kẽ hở, nơi khó vào.*
   - *Luống rau.*

5. ...khi **thu hoạch** mùa vụ xong, họ lời được một số tiền lớn hơn rất nhiều so với những người xung quanh. Từ "**thu hoạch**" có nghĩa là:

   - *Gặt hái.*
   - *Mất mùa.*
   - *Trồng trọt.*

6. Họ hiểu ra rằng kho báu cha mình nói đó chính là số tiền **bội thu** từ mùa vụ. Từ "**bội thu**" có nghĩa là:

   - *Bị lỗ vốn.*
   - *Huề vốn.*
   - *Lời nhiều hơn bình thường.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-11 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Mot bac nong dan giau co goi tat ca cac con den ben canh.

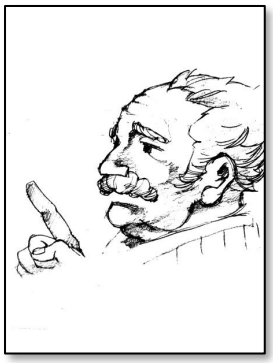

Cac con, trong bat ky truong hop nao cung khong duoc ban ruong dat cua gia dinh ta.

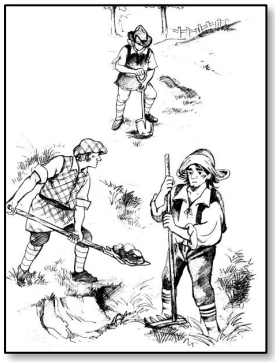

Sau mua vu nao ho cung cuoc nhu vay den hai ba lan.

Ho hieu ra rang kho bau cha minh noi do chinh la so tien boi thu tu mua vu.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-11 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-11 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Đừng mất côn tìm kiếm làm gì, cứ việc đào bới tất cã lên, đừng chừa chố nào cả. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Khi người cha đá chết, các con của bác bắc đầu ra tay đào bới, cuốc lật tất cả mọi ngóc ngách trên thửa ruộn. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Họ hiểu ra rằng kho báu tra mình nói đó chính là số tiềng bội thu từ mùa vụ. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Văn Phạm – Cách Chấm Câu

(Cho các em thêm các dấu chấm câu vào những câu sau đây.)

Khi con đã biết ngồi ____ mẹ dạy con tập đứng rồi dạy con chập chững bước đi ____ lúc con vấp ngã ____ mẹ bế con lên và dịu dàng nựng con: ____ Con mẹ khéo quá ____ ____

Tiếng đầu tiên mẹ dạy con nói là tiếng: ____ Mẹ ____ ____ mẹ sung sướng biết ngần nào khi lần đầu tiên con đã biết gọi: ____ Mẹ ____ ____

(Cho các em viết lại đoạn văn với những dấu chấm câu. Nhớ viết hoa những từ ở đầu câu.)

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Xin phép:	*ask for permission*	**Rủ:**	*invite*

Chiều Thứ Sáu Hoa gọi điện thoại cho Ngọc…

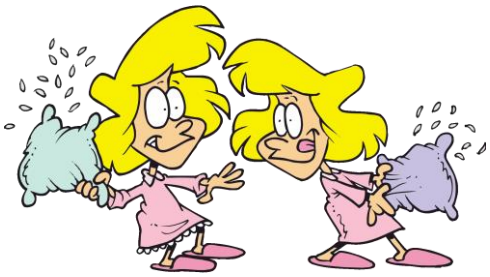

Hoa: Ngọc hả? Ngọc muốn qua nhà Hoa ngủ qua đêm không?
Ngọc? Do you want to come for a sleep over at my house?

Ngọc: Ừ, chờ Ngọc một tí. Để Ngọc xin phép mẹ đã. Mẹ, con qua nhà Hoa ngủ qua đêm được không?
OK. Wait a moment. Let me ask my mom's permission. Mom, can I go to Hoa's house for a sleep over?

Mẹ: Được.
OK.

Ngọc: Mẹ Ngọc cho phép rồi. Ngoài Ngọc ra, Hoa còn rủ những ai nữa?
My mom gave her permission. Beside me, who else did you invite?

Hoa: Hoa có rủ Lan, Hồng và Huệ nữa.
I also invited Lan, Hồng và Huệ.

Ngọc: Hay quá! Tí nữa gặp lại.
Cool! See you later.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Study:	*học bài*	**Mall:**	*thương xá*
Friends:	*các bạn*	**Tomorrow:**	*ngày mai*

Do you want to come to study at my house?

_____

_____

_____

Mom, can I go to the mall with my friends?

_____

_____

_____

See you tomorrow.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 12: Gã Keo Kiệt

Thứ Hai: Tập Đọc

Keo kiệt: *miserly*	**Bí mật:** *secret*	**Kiểm tra:** *examine*
Theo dõi: *follow*	**Phát hiện:** *discover*	**Ăn cắp:** *steal*

Một gã keo kiệt chôn vàng ở một nơi bí mật trong vườn nhà. Hằng ngày, gã ra chỗ đó, đào vàng lên và đếm từng thỏi một để kiểm tra xem có còn đủ hay không.

Một tên trộm theo dõi gã, đoán biết gã chôn cái gì. Thế là một đêm nó đến đào lên lấy hết vàng và trốn mất.

Khi gã keo kiệt phát hiện vàng đã bị mất, gã đau khổ vô cùng và khóc rống lên.

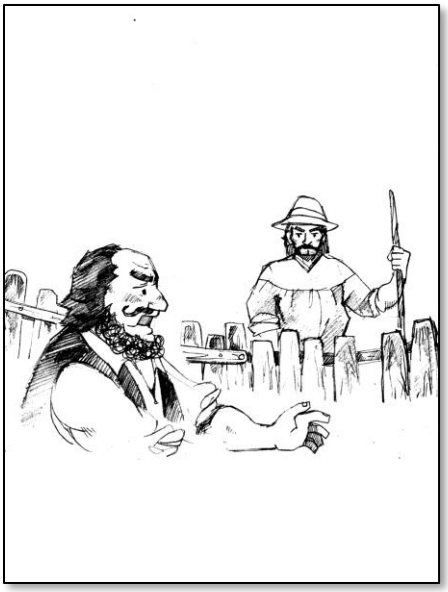

Một người đi ngang nghe thấy tiếng gã khóc bèn hỏi chuyện. Gã thét lên:

— *Vàng của tôi! Ôi, vàng của tôi đâu rồi? Ai đã ăn cắp của tôi!"*

— *Ông mất vàng à? Sao ông không cất trong nhà để mỗi khi cần lấy bán đi mua đồ?*

— *Mua đồ ư? Tôi không bao giờ dám dùng số vàng đó để làm gì cả.*

Người khách lạ nhặt lấy một hòn đá, ném xuống lỗ và nói:

— *Nếu thế thì ông lấp lỗ lại đi. Cục đá cũng đáng giá bằng đống vàng ông mất đấy. Vàng mà không dùng thì cũng giống như cục đá thôi!*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Gã keo kiệt đã chôn vàng để làm gì?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

2. Chuyện gì xảy ra với số vàng của gã?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

3. Vì sao người khách lạ ném cục đá xuống lỗ và bảo gã lấp lỗ lại?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Một gã keo kiệt chôn vàng ở một nơi **bí mật** trong vườn nhà. Từ "**bí mật**" có nghĩa là:

   - *Được giữ kín, không cho ai biết.*
   - *Thông báo cho mọi người biết.*
   - *Xa xôi, hẻo lánh.*

2. Hằng ngày, gã ra chỗ đó, đào vàng lên và đếm từng thỏi một để **kiểm tra** xem có còn đủ hay không. Từ "**kiểm tra**" có nghĩa là:

   - *Chôn xuống.*
   - *Giấu đi.*
   - *Xem lại.*

3. Một tên trộm **theo dõi** gã, đoán biết gã chôn cái gì. Từ "**theo dõi**" có nghĩa là:

   - *Ăn cắp.*
   - *Chú ý đến mọi hành động.*
   - *Gặp mặt.*

4. Khi gã keo kiệt **phát hiện** vàng đã bị mất, gã đau khổ vô cùng. Từ "**phát hiện**" có nghĩa là:

   - *Biết, thấy.*
   - *Chưa biết.*
   - *Quên đi.*

5. ...gã đau khổ vô cùng và khóc **rống** lên. Từ "**rống**" có nghĩa là:

   - *Hét thật to.*
   - *Khóc thật lâu.*
   - *Rên rỉ nho nhỏ.*

6. Cục đá cũng **đáng giá** bằng đống vàng ông mất đấy. Từ "**đáng giá**" có nghĩa là:

   - *Có giá trị tương tự.*
   - *Có hình dạng tương tự.*
   - *Có màu sắc tương tự.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-12 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Mot ga keo kiet chon vang o mot noi bi mat trong vuon nha.

Mot ten trom theo doi ga, doan biet ga chon cai gi.

Toi khong bao gio dam dung so vang do de lam gi ca.

Vang ma khong dung thi cung giong nhu cuc da thoi!

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-12 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-12 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Thế là một đêm nó đến đào lênh lấy hết vằng và trớn mất. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Một người đi ngang nge thấy tiếng gã khót bền hỏi chuyện. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Cục đá cũn đắng giá bằng đống vàng ông mấc đấy. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Tập Làm Văn – Cách Đặt Câu Hỏi

(Cho các em thêm chi tiết về lý do vào những câu sau.)

1. Bố rất giận vì Hiếu không vâng lời mẹ.

_____

_____

_____

2. Danh thích nhất là món mì xào của cô Phương.

_____

_____

_____

3. Trung sơ ý làm rớt chiếc điện thoại di động vào vũng nước.

_____

_____

_____

4. Huy đã cố gắng hết sức nhưng vẫn không đuổi kịp Nam.

_____

_____

_____

5. Việt muốn mua một đôi giày nhưng không đủ tiền.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Nhật ký:	*diary*	**Tò mò:**	*curious*
Kiềm chế:	*control*	**Bản thân:**	*self*
Ý nghĩ:	*thoughts*	**Riêng tư:**	*private*
Quyền:	*rights*	**Tôn trọng:**	*respect*

Châu vào phòng Nguyệt, thấy quyển nhật ký và đang đọc. Nguyệt bước vào phòng…

Nguyệt: Châu, sao em lại đọc nhật ký của chị?
Châu, why are you reading my diary?

Châu: Ờ… Em thấy tò mò. Em không kiềm chế được bản thân.
Uh… I was curious. I couldn't control myself.

Nguyệt: Em biết quyển nhật ký đó có những ý nghĩ riêng tư của chị. Em không có quyền đọc nó. Em phải biết tôn trọng sự riêng tư của người khác chứ!
You know that diary has my private thoughts. You don't have any rights to read it. You have to respect the privacy of others!

Châu: Dạ, em biết. Em xin lỗi chị. Từ nay em sẽ không làm nữa.
Yes, I know. I am sorry. From now on, I will not do it again.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Wearing:	*mặc*	**Shirt:**	*áo*
Favorite:	*thích nhất*	**Properties:**	*tài sản*

Why are you wearing my shirt?

_____

_____

_____

You know that shirt is my favorite shirt.

_____

_____

_____

You have to respect the properties of others.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 13: Chú Bé Chăn Cừu

Thứ Hai: Tập Đọc

Nhàm chán: *boring*	**Suy nghĩ:** *think*	**Tấn công:** *attack*
Kêu cứu: *yell for help*	**Tức tốc:** *immediately*	**Ngặt nghẽo:** *hysterically*

Một chú bé chăn cừu cho chủ thả cừu gần một khu rừng rậm cách làng không xa lắm. Chăn cừu được ít lâu, chú cảm thấy cuộc đời chăn cừu thực nhàm chán.

Một hôm, khi chú đang ngắm nhìn đàn cừu và suy nghĩ mình sẽ phải làm gì khi gặp một con Sói, chú nghĩ ra một trò chơi cho đỡ buồn.

Chủ bảo với chú rằng khi Sói tấn công đàn cừu thì phải kêu cứu, để dân làng nghe thấy và đuổi nó đi. Thế là, mặc dù chú chẳng thấy sói, chú cứ chạy về làng và la to: "*Sói! Sói!*"

Dân làng nghe thấy tiếng kêu bỏ cả việc làm và tức tốc chạy ra cánh đồng.

Nhưng khi họ đến nơi, họ chỉ thấy chú bé ôm bụng cười ngặt nghẽo vì đã lừa được họ.

Ít ngày sau chú bé chăn cừu lần nữa lại la lên: "*Sói! Sói!*" Và một lần nữa dân làng lại chạy ra giúp chú, nhưng lại bị chú cười cho một trận.

Vào một buổi chiều nọ, một con Sói thực sự nấp sau một bụi cây bỗng phóng ra và chụp được một con cừu. Quá hoảng sợ, chú bé chăn cừu vội chạy về làng và la to: "*Sói! Sói!*" Mặc dù dân làng có nghe tiếng chú kêu, nhưng không ai chạy ra để giúp chú như những lần trước. "*Lần này không thể để cho nó đánh lừa được mình nữa,*" họ bảo.

Sói giết chết rất nhiều cừu của chú bé và biến mất vào rừng rậm.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Chú bé đã nghĩ ra được trò chơi gì cho đỡ buồn?

2. Lần đầu tiên nghe tiếng kêu cứu của chú bé, dân làng đã làm gì?

3. Vì sao dân làng đã không giúp chú bé trong lần kêu cứu cuối cùng?

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Chăn cừu được ít lâu, chú cảm thấy cuộc đời chăn cừu thực **nhàm chán**. Từ "**nhàm chán**" có nghĩa là:

   - *Buồn bực.*
   - *Thích thú.*
   - *Không thích thú.*

2. Chủ bảo với chú rằng khi Sói **tấn công** đàn cừu thì phải kêu cứu... Từ "**tấn công**" có nghĩa là:

   - *Bị thua phải chạy đi.*
   - *Chạy theo.*
   - *Lao tới và cắn xé, đánh dữ dội.*

3. Dân làng nghe thấy tiếng kêu bỏ cả việc làm và **tức tốc** chạy ra cánh đồng. Từ "**tức tốc**" có nghĩa là:

   - *Một lúc sau.*
   - *Ngay lập tức vì rất gấp.*
   - *Từ từ vì không gấp.*

4. Nhưng khi họ đến nơi, họ chỉ thấy chú bé ôm bụng cười **ngặt nghẽo** vì đã lừa được họ. Từ "**ngặt nghẽo**" có nghĩa là:

   - *Cười đến nghiêng cả người.*
   - *Hét thật lớn.*
   - *Ho sù sụ.*

5. Quá **hoảng sợ**, chú bé chăn cừu vội chạy về làng và la to: "Sói! Sói!" Từ "**hoảng sợ**" có nghĩa là:

   - *Chán nản.*
   - *Thất kinh, quá sợ hãi.*
   - *Thích thú.*

6. "Lần này không thể để cho nó **đánh lừa** được mình nữa," họ bảo. Từ "**đánh lừa**" có nghĩa là:

   - *Làm cho người khác bị lầm.*
   - *Làm cho người khác vui vẻ.*
   - *Làm cho người khác tin tưởng.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-13 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Chan cuu duoc it lau, chu cam thay cuoc doi chan cuu thuc nham chan.

Dan lang nghe thay tieng keu bo ca viec lam va tuc toc chay ra canh dong.

Nhung khi ho den noi, ho chi thay chu be om bung cuoi ngat ngheo vi da lua duoc ho.

Soi giet chet rat nhieu cuu cua chu be va bien mat vao rung ram.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-13 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-13 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Một chú bé chân cừu cho chủ thả cừu gần một khu rùng rậm cách làng không sa lắm. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Chủ bảo với chú rằn khi Sói tấng công đàn cừu thì phài kêu cứu, để dân làng nghe thấy và đuổi nó đi. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Mặc dù dân làn có nghe tiếng chú kêu, nhưng không ai chại ra để giúp chú như những lần trước. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Văn Phạm – Tĩnh Từ

(Cho các em tìm và khoanh tròn các tĩnh từ trong những câu sau.)

1. Mùa xuân đồng cỏ trở nên xanh tươi.

2. Ba mua cho Đạt một cái áo xanh rộng thùng thình.

3. Những bông lúa chín vàng đang đùa trong nắng ấm.

4. Biển đang hát đang đùa cùng những con sóng bạc đầu.

5. Mặt Tân nóng và đỏ bừng vì phải đứng quá lâu ngoài nắng.

6. Chú bé uống thử ngụm cà phê nóng hổi và đắng ngắt của bố.

7. Lan bưng tô phở nóng hổi đặt lên trên cái bàn tròn gần chị Hân.

8. Chú chuột hôi hám đang chui vào trong cái lỗ đen ngòm, nhỏ xíu.

9. Dòng suối trong vắt và ngọt lịm đang giữ chân những chú nai vàng.

10. Một người đàn ông cao to đang bước vào trong căn nhà nhỏ bé bên kia đường.

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Sân chơi:	*playground*	**Dọn:**	*moved*
Cạnh:	*next*	**Hân hạnh:**	*pleased*

Phú đang đi chơi với Vũ thì gặp Lân…

Lân: Ê Phú, Phú đi đâu vậy?
Hey Phú, where are you going?

Phú: Phú dẫn bạn ra sân chơi.
I am taking a friend to the playground.

Lân: Bạn của Phú là ai vậy?
Who's your friend?

Phú: Ồ, xin lỗi nhé. Lân, đây là Vũ. Vũ, đây là Lân. Gia đình Vũ mới dọn về đây từ Quận Cam, California. Nhà Vũ ở cạnh nhà Phú. Còn Lân là bạn học của Phú ở trường Việt Ngữ.
Oh, sorry. Lân, this is Vũ. Vũ, this is Lân. Vũ's family just moved here from Orange County, California. His house is next to mine. And Lân is my friend from the Vietnamese school.

Lân & Vũ: Rất hân hạnh được gặp bạn.
Very pleased to meet you.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Park:	*công viên*	**Moved away:**	*dọn đi*
Across:	*đối diện*	**Pond:**	*cái ao*

Dad is taking me to the park.

_____

_____

_____

His family just moved away to California.

_____

_____

_____

His house is across from mine, next to the pond.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 14: Người Bạn Tham Lam

Thứ Hai: Tập Đọc

Nhặt: *found and picked up*	**May mắn:** *lucky*	**Đồng hành:** *walk together*
Đồ ăn cắp: *thief*	**Hoảng sợ:** *scared*	**Xử tội:** *punish*

Hai người đang đi bộ cùng nhau trên một con đường thì một người bỗng nhặt được một cái túi tiền đầy cứng.

Người nhặt được túi tiền nói:

— *Tôi may mắn quá! Tôi đã nhặt được một cái túi tiền.*

Người bạn đồng hành nói:

— *Phải nói cho đúng là 'chúng ta may mắn quá' và 'chúng ta nhặt được'.*

Người kia giận dữ nói:

— *Ồ không, không đâu. Tôi đã nhặt được thì nó là của tôi.*

Ngay khi đó họ nghe thấy tiếng quát to:

— *Đứng lại, đồ ăn cắp!*

Người nhặt được túi tiền hoảng sợ nói:

— *Chúng ta chết mất nếu họ tìm được trong người chúng ta cái túi tiền của họ.*

Người kia đáp:

— *Ồ không, không. Hồi nãy anh không chịu bảo là '**chúng ta**', thì bây giờ anh cũng phải nói là '**tôi sẽ chết mất**'.*

Dân làng xúm lại bắt người nhặt được túi tiền và dẫn về làng để xử tội.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Một người khách bộ hành đang đi trên đường thì tìm được gì?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

2. Hai người bạn tranh cãi vì chuyện gì?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

3. Vì sao dân làng chỉ bắt người nhặt được túi tiền mà thôi?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. ...một người bỗng **nhặt** được một cái túi tiền đầy cứng. Từ "**nhặt**" có nghĩa là:

   - *Bán.*
   - *Mua.*
   - *Lượm.*

2. Tôi **may mắn** quá! Tôi đã nhặt được một cái túi tiền. Từ "**may mắn**" có nghĩa là:

   - *Hên.*
   - *Lỗ.*
   - *Xui.*

3. Người bạn **đồng hành** nói... Từ "**đồng hành**" có nghĩa là:

   - *Ăn chung.*
   - *Chơi chung.*
   - *Đi chung.*

4. **Hồi nãy** anh không chịu bảo là 'chúng ta', thì bây giờ anh cũng phải nói là 'tôi sẽ chết mất'. Từ "**hồi nãy**" có nghĩa là:

   - *Hôm qua.*
   - *Lúc vừa qua.*
   - *Ngày mai.*

5. Dân làng **xúm** lại bắt người nhặt được túi tiền và dẫn về làng để xử tội. Từ "**xúm**" có nghĩa là:

   - *Chạy đi chỗ khác.*
   - *Chia ra mỗi người một chỗ.*
   - *Tụ tập lại.*

6. Dân làng xúm lại bắt người nhặt được túi tiền và dẫn về làng để **xử tội**. Từ "**xử tội**" có nghĩa là:

   - *Bắt đi.*
   - *Khen thưởng.*
   - *Trừng trị, phạt tội.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-14 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Mot nguoi bong nhat duoc mot cai tui tien day cung.

O khong, khong dau. Toi da nhat duoc thi no la cua toi.

Chung ta chet mat neu ho tim duoc trong nguoi chung ta cai tui tien cua ho.

Dan lang xum lai bat nguoi nhat duoc tui tien va dan ve lang de xu toi.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-14 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-14 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Hai người đan đi bộ cùng nhau trên một con đường thì một người bỗng nhật được một cái tứi tiền đầy cứng. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Phải nới cho đúng là 'chúng ta mai mắn quá' và 'chúng ta nhật được'. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Chúng ta chết mấc nếu họ tìm được trông người chúng ta cáy túi tiền của họ. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Văn Phạm – Tĩnh Từ

(Cho các em thêm tĩnh từ vào những câu sau.)

1. Phi có dáng người và nước da rất giống bố.

_____

_____

_____

2. Nhà chị Trang có trồng cây phượng vĩ.

_____

_____

_____

3. Tuyết phủ đầy trong sân của ngôi nhà.

_____

_____

_____

4. Người hành khách đang cúi xuống mở chiếc túi sách để tìm cặp kính.

_____

_____

_____

5. Những cánh phượng rơi đầy sân trường.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Tổng cộng:	*total*	**Tiền mặt:**	*cash*
Thẻ tín dụng:	*credit card*	**Hết hạn:**	*expired*
Ngân phiếu:	*checks*	**Giấy nợ:**	*IOU*

Mẹ ở quầy tính tiền…

NBH*: Tổng cộng của chị là $54.72.
Your total is $54.72?

Mẹ: Chị quên không mang tiền mặt. Em có nhận thẻ tín dụng không?
I forgot to bring cash. Do you accept credit cards?

NBH: Dạ… Thẻ tín dụng của chị hết hạn rồi. Chị còn thẻ khác nào không?
Yes ma'am… Your credit card has expired. Do you have any other cards?

Mẹ: Chị chỉ có một cái thẻ này. Em có nhận ngân phiếu không? Nếu không, chị phải viết giấy nợ cho em.
I only have this card. Do you accept checks? If not, I have to write an IOU.

NBH: (Cười to) Dạ. Chúng em nhận ngân phiếu ạ.
(Laughing) Yes ma'am. We do accept checks.

***NBH: Người Bán Hàng**

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Change:	*tiền thối lại*	**Cents:**	*xu*
Exceeded:	*quá*	**Maximum:**	*tối đa*
Limit:	*giới hạn*	**Another:**	*cái ... khác, cái ... nữa*

Your change is twenty-eight (28) cents.

_____

_____

_____

Your credit card has exceeded the maximum limit.

_____

_____

_____

I have another card.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 15: Mèo Và Chuột Già

Thứ Hai: Tập Đọc

Rình: *stalking*	**Lẩn trốn:** *hide*	**Mẹo:** *trickery*
Lủng lẳng: *dangle*	**Rụt rè:** *timid, cautious*	**Hớn hở:** *excited, thrilled*

Vì một con Mèo luôn để mắt rình, lũ chuột hầu như chẳng dám rời khỏi hang vì sợ bị Mèo bắt được. Lũ chuột cứ lẩn trốn trong hang. Mèo thấy rằng nó phải dùng mẹo mới bắt được chuột.

Một hôm, nó leo lên một cái kệ, cột chân vào sợi dây thừng, treo mình lủng lẳng vào đấy, đầu chúi xuống đất giả chết.

Ban đầu hết sức rụt rè, lũ chuột thò đầu ra và cẩn thận đánh hơi tất cả khu vực xung quanh. Nhưng chẳng có động tịnh gì. Thế là chúng hớn hở chui ra để ăn mừng Mèo đã chết.

Ngay khi đó, Mèo buông chân khỏi sợi dây thừng, giơ vuốt chụp được bốn năm chú chuột.

Từ đó, lũ Chuột ở luôn trong hang. Còn Mèo thì vẫn thèm ăn thịt chuột nên nó lập mưu kế khác. Nó lăn mình và núp vào trong thùng bột, chỉ mở một mắt ra canh lũ chuột.

Khi không còn thấy Mèo, lũ chuột bắt đầu cảm thấy an tâm. Chẳng mấy chốc chúng lại thò đầu ra, mon men tới gần thùng bột.

Lúc đó, có một chú chuột già, đã từng bị Mèo vồ hụt nhiều lần, lên tiếng cản lại:

— *Cẩn thận đấy! Đó có thể là một đống bột ngon, nhưng trông thì rất giống con Mèo. Dù nó là gì chăng nữa, thì cứ tránh xa cho an toàn là khôn ngoan nhất.*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Mèo đã dùng mưu kế gì để bắt được chuột?

2. Sau đó, Mèo lại dùng mưu kế gì khác để bắt chuột?

3. Chú chuột già lên tiếng cản lại như thế nào?

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Vì một con Mèo luôn để mắt **rình**, lũ chuột hầu như chẳng dám rời khỏi hang vì sợ bị Mèo bắt được. Từ "**rình**" có nghĩa là:

   - *Chặn bắt.*
   - *Nghe lén.*
   - *Núp và theo dõi.*

2. Mèo thấy rằng nó phải dùng **mẹo** mới bắt được chuột. Từ "**mẹo**" có nghĩa là:

   - *Cách đánh lừa, mưu kế.*
   - *Cách chữa bệnh.*
   - *Dùng mồi để nhử.*

3. Lũ chuột cứ **lẩn trốn** trong hang. Từ "**lẩn trốn**" có nghĩa là:

   - *Bỏ đi, rời xa.*
   - *Chạy về.*
   - *Núp vào chỗ kín đáo.*

4. Một hôm, nó leo lên một cái kệ, cột chân vào sợi dây thừng, treo mình **lủng lẳng** vào đấy, đầu chúi xuống đất giả chết. Từ "**lủng lẳng**" có nghĩa là:

   - *Để ở trên mặt đất.*
   - *Treo lơ lửng không chạm đất.*
   - *Treo trước nhà.*

5. Ban đầu hết sức rụt rè, lũ chuột thò đầu ra và **cẩn thận** đánh hơi tất cả khu vực xung quanh. Từ "**cẩn thận**" có nghĩa là:

   - *Cẩu thả.*
   - *Đắn đo, suy tính kỹ lưỡng.*
   - *Không quan tâm.*

6. Thế là chúng **hớn hở** chui ra để ăn mừng Mèo đã chết. Từ "**hớn hở**" có nghĩa là:

   - *Buồn bã.*
   - *Bực tức.*
   - *Vui vẻ, phấn khởi.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-15 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Meo thay rang no phai dung meo moi bat duoc chuot.

The la chung hon ho chui ra de an mung Meo da chet.

No lan minh va nup vao trong thung bot, chi mo mot mat ra canh lu chuot.

Chang may choc chung lai tho dau ra, mon men toi gan thung bot.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-15 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-15 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Ban đầu hết sức rục rè, lũ chuột thờ đầu ra và cẩn thận đánh hơi tất cả khu vực xung quanh. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Còn Mèo thì vẫn thèm ăng thịt chuột nên nó lập mưu kế khách. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Chẳng mấy chốc chún lại thò đầu ra, mong men tới gần thùng bột. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Văn Phạm – Trạng Từ

(Cho các em tìm và khoanh tròn các trạng từ trong những câu sau.)

1. Hải yêu nhất đôi bàn tay của mẹ.

2. Ánh nắng chiều lịm tắt sau dãy núi phía xa.

3. Chú vịt con chạy ì ạch theo sau lưng vịt mẹ.

4. Cu Tí đang trèo nhanh lên cây lê nhà ông nội.

5. Giọt mưa đang tí tách rơi đều xuống mái hiên nhà.

6. Mẹ ăn vội chén cơm để đi đến bệnh viện trực đêm.

7. Mẹ ôm trọn Mai vào lòng và hôn nhẹ lên mái tóc em.

8. Mưa ngoài trời vẫn rả rích rơi làm Mai cảm thấy buồn quá.

9. Cơn lũ đang ầm ầm kéo tới mang theo những trận mưa dài.

10. Em có nghe thấy gió đang thì thầm nói với em điều gì không?

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Coi lại:	*looking over*	**Tưởng:**	*thought*
Trường đại học:	*university*	**Phục:**	*admire*

Đức vào phòng của Tài…

Đức: Anh đang làm gì vậy?
What are you doing?

Tài: Anh đang coi lại bài ôn thi SAT.
I am looking over the review tests for the SAT.

Đức: Ủa, em tưởng anh thi SAT rồi mà?
Huh, I thought you already took the SAT?

Tài: Anh thi rồi, nhưng chỉ được 1.750 điểm thôi. Để vào trường đại học anh muốn, điểm của anh phải cao hơn một chút. Vì vậy, anh phải ôn bài trước khi thi lại.
I did, but I only scored 1,750 points. To get into the university that I want, my score needs to be a little higher. That's why I have to review before taking it again.

Đức: Chà! Phục anh luôn.
Wow! I really admire you.

Chuyển Ngữ
(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Essay:	*bài luận văn*	**Turn in:**	*nộp*
Grade:	*điểm*	**Better:**	*hay, tốt*

I am looking over my essay.

_____

_____

_____

I thought you already turned it in.

_____

_____

_____

To get the grade that I want, my essay must be better.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 16: Quạ Và Cáo

Thứ Hai: Tập Đọc

Nhạy bén: *sharp*	**Ngưỡng mộ:** *admire*	**Nghi ngờ:** *suspicious*
Duyên dáng: *charming*	**Lộng lẫy:** *splendid*	**Nịnh bợ:** *flatter, toady*

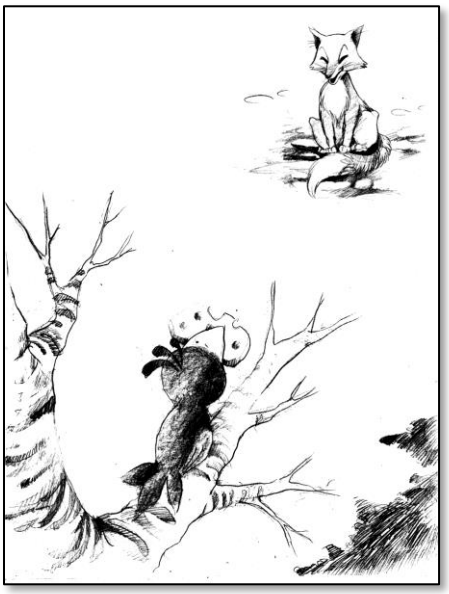

Vào một buổi sáng đẹp trời, khi con Cáo lần theo chiếc mũi nhạy bén của nó đi trong rừng để tìm kiếm miếng ăn, nó thấy một con Quạ đậu trên một nhánh cây, miệng đang ngậm một miếng phó-mát.

Nó liền chạy tới gốc cây Quạ đang đậu. Nhìn Quạ với vẻ ngưỡng mộ, nó la lên, "*Chào bạn, bạn đẹp quá!*"

Con Quạ nghe thấy, liền nghiêng đầu xuống, nhìn Cáo nghi ngờ. Nhưng nó vẫn ngậm chặt lấy miếng phó-mát ở mỏ và chẳng chào đáp lại Cáo lời nào.

"*Bạn hết sức duyên dáng!*" Cáo bảo. "*Đôi cánh của bạn đẹp đẽ và lộng lẫy. Bạn đẹp như vậy thì chắc hẳn là bạn hót rất hay. Nếu bạn hát cho tôi nghe, tôi sẽ báo cho tất cả mọi loài thú vật ở đây biết là tôi đã được gặp được Nữ Hoàng Chim.*"

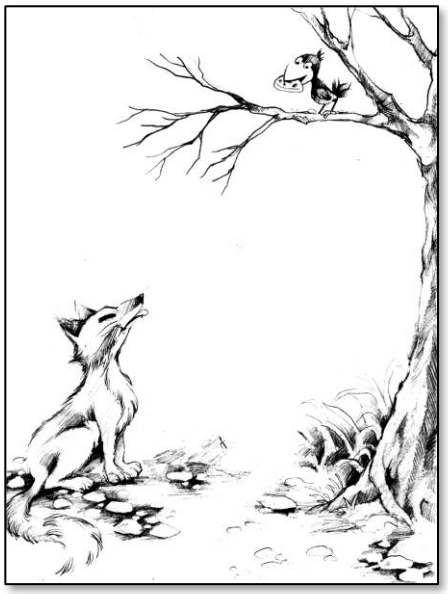

Nghe thấy những lời nịnh bợ như thế, Quạ quên hết mọi nghi ngờ, và quên cả luôn bữa sáng của nó. Nó hết sức sung sướng nếu được gọi là Nữ Hoàng Chim.

Thế là nó bèn há mỏ để hát.

Miếng phó-mát rơi ra, rớt thẳng xuống vào miệng Cáo đang mở sẵn bên dưới.

"*Cảm ơn nhé*," Cáo Già ngọt ngào nói, và bỏ đi.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Cáo gặp Quạ ở đâu?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

2. Cáo khen Quạ như thế nào?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

3. Khi Quạ há mỏ để hát, chuyện gì đã xảy ra?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Vào một buổi sáng đẹp trời, khi con Cáo lần theo chiếc mũi **nhạy bén** của nó đi trong rừng để tìm kiếm miếng ăn... Từ "**nhạy bén**" có nghĩa là:

   - *Không nghe thấy gì.*
   - *Không ngửi thấy gì.*
   - *Thính mũi.*

2. Nhìn Quạ với vẻ **ngưỡng mộ**, nó la lên, "Chào bạn, bạn đẹp quá!". Từ "**ngưỡng mộ**" có nghĩa là:

   - *Coi thường, khinh khi.*
   - *Ghét bỏ.*
   - *Kính phục, muốn bắt chước theo.*

3. Con Quạ nghe thấy, liền nghiêng đầu xuống, nhìn Cáo **nghi ngờ**. Từ "**nghi ngờ**" có nghĩa là:

   - *Ghi nhớ.*
   - *Không tin tưởng, không tin cậy.*
   - *Tin tưởng.*

4. "Bạn hết sức **duyên dáng**!" Cáo bảo. Từ "**duyên dáng**" có nghĩa là:

   - *Dễ thương.*
   - *Mập mạp.*
   - *Xấu xí.*

5. Đôi cánh của bạn đẹp đẽ và **lộng lẫy**. Từ "**lộng lẫy**" có nghĩa là:

   - *Đẹp và sang trọng.*
   - *To và bền.*
   - *Xấu và cũ kỹ.*

6. Nghe thấy những lời **nịnh bợ** như thế, Quạ quên hết mọi nghi ngờ, và quên cả luôn bữa sáng của nó. Từ "**nịnh bợ**" có nghĩa là:

   - *Chê bai một cách thậm tệ.*
   - *Khen giả dối để lấy lòng người khác.*
   - *Khen thật lòng.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-16 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

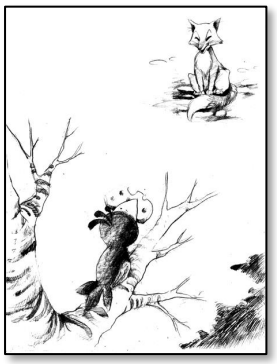

No thay mot con Qua dau tren mot nhanh cay, mieng dang ngam mot mieng pho-mat.

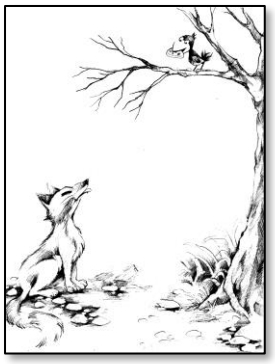

Con Qua nghe thay, lien nghieng dau xuong, nhin Cao nghi ngo.

Mieng pho-mat roi ra, rot thang xuong vao mieng Cao dang mo san ben duoi.

"Cam on nhe," Cao gia ngot ngao noi, va bo di.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-16 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

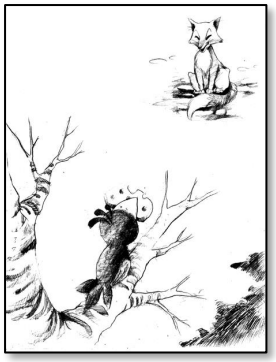

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-16 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Nó thấy một con Quạ đậu chên một nhán cây, miệng đang ngẫm một miếng phó-mát. (3 lỗi)

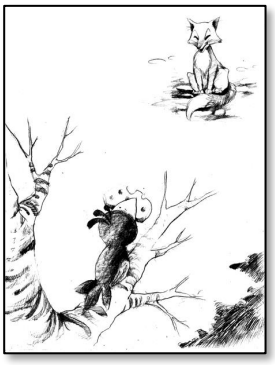

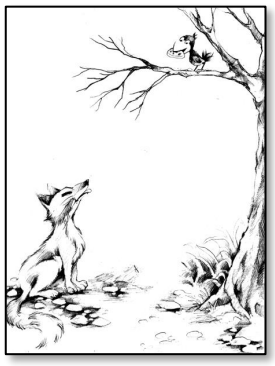

Nhưng nó vẩn ngậm chặc lấy miếng phó- mát ở mỏ và chẵng chào đáp lại Cáo lời nào. (3 lỗi)

Nghe thấy nhữn lời nịnh bợ như thế, Quạ quên hết mợi nghi ngờ, và quên cả luôn bữa sán của nó. (3 lỗi)

Thứ Năm: Văn Phạm – Trạng Từ

(Cho các em thêm trạng từ vào những câu sau.)

1. Chú bê vàng đang nhai cỏ.

_____

_____

_____

2. Hà đang nhìn lên bầu trời; em thấy một chiếc máy bay đang bay.

_____

_____

_____

3. Những chú bướm vàng đang bay quanh cụm hoa hồng.

_____

_____

_____

4. Tiếng chim hót trên cành chào đón ánh bình minh.

_____

_____

_____

5. Những con muỗi cứ bay trên đầu bé Tí.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Mệt mỏi:	*tired*	**Cảm lạnh:**	*cold*
Nghỉ ngơi:	*rest*	**Không cần:**	*not necessary*
Tệ nhất:	*worst*	**Bình thường:**	*normal*

Nga lo rằng Bảo vẫn còn ốm. Cho nên cô ấy đề nghị anh ấy hãy về nhà nghỉ ngơi cho khỏe…

Nga: Anh trông có vẻ rất mệt mỏi.
You look very tired.

Bảo: Vâng. Gần đây tôi không được khỏe. Tôi bị cảm lạnh vào tuần trước mà đến bây giờ vẫn chưa khỏi hết.
Yes. Recently I haven't been feeling well. I caught a cold last week, and I still haven't gotten over it.

Nga: Anh có muốn nghỉ làm không? Anh cần phải nghỉ ngơi nhiều.
Do you want to take a sick leave? You need lots of rest.

Bảo: Vậy thì không cần đâu. Tôi đã qua khỏi giai đoạn tệ nhất rồi; chắc mấy ngày tới tôi sẽ khỏe lại bình thường.
That's not necessary. I've gotten over the worst of it; in the next few days, I'll be back to normal.

Nga: Được, vậy thì tốt.
Okay, that's good.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Drink:	*uống*	**Water:**	*nước*

Do you want to rest?

_____

_____

_____

You need to drink lots of water.

_____

_____

_____

In the next few days, I'll stay home.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 17: Mèo, Gà Và Chuột Con

Thứ Hai: Tập Đọc

Non nớt: *young*	**Tai họa:** *disaster, catastrophe*	**Mạo hiểm:** *take risk*
Phiêu lưu: *adventure*	**Quái gở:** *strange*	**Che chở:** *protect*

Một con Chuột con rất non nớt, chưa bao giờ nhìn thấy gì trên đời, xém một chút thì đã gặp tai họa khi mới lần đầu tiên mạo hiểm đi ra ngoài.

Và đây là câu chuyện nó về kể lại cho mẹ nghe về chuyến phiêu lưu của nó.

Nó kể:

— *Con đang đi dạo trên đường thì thấy hai con vật hết sức lạ lùng. Một con vật nhìn rất vui vẻ và tử tế, còn con vật kia thì hết sức quái gở đáng sợ. Trên chỏm đầu của hắn và trước cổ hắn có những miếng thịt đỏ như máu tươi. Hắn cứ đi qua đi lại, chân bới tung đất lên và vỗ cánh đập vào sườn hắn. Lúc nhìn thấy con, hắn mở to cái miệng nhọn hoắt của hắn ra như thể muốn ăn tươi nuốt sống con vậy.*

Chuột Con kể tiếp:

— *Nếu mà không gặp phải cái con vật quái gở ấy, thì con đã có cơ hội làm quen với cái ông dễ mến kia rồi. Ông ta trông rất hiền lành và tử tế. Ông ấy có bộ lông dày, mịn như nhung, mặt mày thanh tú, và nhìn rất khiêm tốn, mặc dù mắt rất sáng và long lanh. Khi ông ấy vừa sắp nói chuyện với con thì cái tên quái vật kia tự nhiên thét lên một tiếng ghê rợn, thế là con bỏ chạy mất để thoát thân.*

Chuột Mẹ nói:

— *Con ơi, cái con vật tử tế mà con thấy chính là con Mèo đấy con ạ. Nhìn cái bề ngoài thì nó hết sức tử tế, nhưng trong bụng nó luôn thù hằn với tất cả loài chuột chúng ta. Còn cái con quái vật mà con nói chỉ là một con Gà chẳng bao giờ làm hại ai. Cảm ơn Trời đã che chở cho con tôi được thoát chết. Con ạ, hãy nhớ là từ bây giờ trở đi, đừng bao giờ nhìn vẻ bên ngoài của người ta mà đánh giá.*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Chuột Con có cảm giác như thế nào khi nhìn thấy Gà Trống?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

2. Chuyện gì đã có thể xảy ra cho Chuột Con nếu Gà Trống không thét lên một tiếng ghê rợn?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

3. Chuột Mẹ đã dạy cho Chuột Con điều gì sau khi nghe Chuột Con kể lại cuộc gặp gỡ giữa Chuột Con, Mèo và Gà?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Một con Chuột Con rất **non nớt** chưa bao giờ nhìn thấy gì trên đời... Từ "**non nớt**" có nghĩa là:

   - *Đã lớn khôn.*
   - *Còn nhỏ, chưa đủ lớn.*
   - *Thông minh.*

2. ...xém một chút thì đã gặp **tai họa** khi mới lần đầu tiên mạo hiểm đi ra ngoài. Từ "**tai họa**" có nghĩa là:

   - *Điều rủi ro, không may.*
   - *Sự may mắn.*
   - *Họa sĩ vẽ tranh.*

3. Một con vật nhìn rất vui vẻ và **tử tế**... Từ "**tử tế**" có nghĩa là:

   - *Khôn ngoan.*
   - *Lười biếng.*
   - *Tốt bụng, đứng đắn.*

4. ...còn con vật kia thì hết sức **quái gở** đáng sợ. Từ "**quái gở**" có nghĩa là:

   - *Dữ dằn.*
   - *Kỳ quặc, lạ lùng.*
   - *Rất quen thuộc.*

5. Cảm ơn Trời đã **che chở** cho con tôi được thoát chết. Từ "**che chở**" có nghĩa là:

   - *Ban ơn.*
   - *Bảo vệ.*
   - *Bỏ rơi.*

6. ...đừng bao giờ nhìn vẻ bên ngoài của người ta mà **đánh giá**. Từ "**đánh giá**" có nghĩa là:

   - *Nhận định giá trị.*
   - *Sợ hãi.*
   - *Tin tưởng.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-17 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Mot con Chuot con rat non not xem mot chut thi da gap tai hoa.

Con dang di dao tren duong thi thay hai con vat het suc la lung.

Neu ma khong gap phai cai con vat quai go ay, thi con da co co hoi lam quen voi cai ong de men kia roi.

Cam on Troi da che cho cho con toi duoc thoat chet.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-17 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-17 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Một con vật nhình rất vui vẻ và tủ tế, còn con vật kia thì hết sức quáy gở đáng sợ. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Nếu mà không gập phải cáy con vật quái gở ấy, thì con đã có cơ hội làm quên với cái ông dễ mến kia rồi. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Con ạ, hãy nhớ là từ bâi giờ trở đi, đừnh bao giờ nhìn vẽ bên ngoài của người ta mà đánh giá. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Văn Phạm – Chủ Ngữ, Vị Ngữ

(Giúp các em tìm chủ ngữ và vị ngữ trong những câu sau.)

1. Mặt trời mọc ở hướng Đông.

   Chủ ngữ: _____

   Vị ngữ: _____

2. Ánh trăng tỏa sáng cả phòng ngủ của tôi.

   Chủ ngữ: _____

   Vị ngữ: _____

3. Cô Ngọc mua một cái điện thoại nhỏ xinh.

   Chủ ngữ: _____

   Vị ngữ: _____

4. Một cơn bão lớn đi ngang qua thành phố.

   Chủ ngữ: _____

   Vị ngữ: _____

5. Bác Thịnh nhờ chú Chương sửa giùm cái máy vi tính bị hư.

   Chủ ngữ: _____

   Vị ngữ: _____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Mỏng:	*thin*	**Húng quế:**	*basils*
Hành lá:	*scallions*	**Ngò gai:**	*sawtooth herbs*

Mẹ và Lan đi chợ Việt Nam…

Mẹ: Bác làm ơn bán cho tôi hai ký thịt bò.
Sir, please sell me two kilograms of beef.

BHT*: Cô muốn cắt như thế nào?
How do you want it cut.

Mẹ: Bác thái mỏng giùm để ăn phở.
Please slide it thinly to use for eating phở.

BHT: Thịt bò của cô đây.
Here's your beef.

Mẹ: Cảm ơn bác. Lan, con lấy giùm cho mẹ hai bó húng quế, một bó hành lá, một bó ngò gai và một ký giá.
Thank you, sir. Lan, please get me two bunches of basils, one bunch of scallions, one bunch of sawtooth herbs and one kilogram of bean sprouts.

Lan: Dạ.
Yes ma'am.

Mẹ: Mình ra trả tiền rồi đi về.
Let's pay then go home.

BHT: Bác Hàng Thịt

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Borrow:	*mượn*	**Books:**	*quyển sách*
Bags of sugar:	*bao đường*	**Return:**	*trả lại*

Please let me borrow those two books.

_____

_____

_____

Please get me two bags of sugar.

_____

_____

_____

Let's return it then go home.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 18: Chuột Nhà Và Chuột Đồng

Thứ Hai: Tập Đọc

Lấy lệ: *perfunctorily*	**Nhấm nháp:** *nibble*	**Biệt thự:** *mansion*
Hấp dẫn: *attractive*	**Xa xỉ:** *extravagant*	**Giản dị:** *simple, plain*

Một con Chuột Nhà một hôm ghé thăm bạn ở đồng quê. Bữa trưa, Chuột Đồng dọn bữa ăn chỉ toàn là thân, rễ, và lơi bắp, với một chút nước lạnh để uống. Chuột Nhà chỉ ăn lấy lệ, nhấm nháp một chút món này, một chút món kia.

Trong bữa ăn, Chuột Nhà kể chuyện về cuộc sống của mình ở thành phố với đủ mọi tiện nghi sang trọng và sung sướng. Nghe chuyện, Chuột Đồng ao ước được lên thành phố.

Sáng hôm sau, khi Chuột Nhà mời Chuột Đồng về nhà với mình ở thành phố, nó sung sướng nhận lời ngay.

Khi chúng về đến ngôi biệt thự mà Chuột Nhà đang sống, chúng thấy trên bàn ăn còn lại những thứ thức ăn thừa của một bữa tiệc rất sang trọng, có cả bánh kẹo, mứt, phó-mát và những thứ thức ăn hấp dẫn nhất.

Nhưng ngay khi Chuột Đồng vừa sắp nhấm nháp một chút bánh ngọt, nó nghe thấy tiếng con mèo kêu thật lớn và tiếng móng vuốt của nó nghiến trên sàn nhà.

Quá sợ hãi, hai con chuột vội vàng bỏ chạy. Chuột Đồng khi chạy được một quãng xa thì ngừng lại và nói với Chuột Nhà:

— *Bạn có thể có những thứ xa xỉ và những món ăn ngon mà tôi chẳng có, nhưng tôi lại thích những thứ thức ăn thanh đạm và cuộc sống giản dị ở đồng quê luôn có sự yên bình và thanh thản hơn.*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Đời sống của Chuột Đồng như thế nào?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

2. Vì sao Chuột đồng ao ước được lên thành phố?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

3. Vì sao Chuột Đồng quyết định trở về đồng quê?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Chuột Nhà chỉ ăn **lấy lệ**, nhấm nháp một chút món này, một chút món kia. Từ "**lấy lệ**" có nghĩa là:

   - *Cho có, không quan tâm.*
   - *Kỹ lưỡng.*
   - *Rất nhiều.*

2. Trong bữa ăn, Chuột Nhà kể chuyện về cuộc sống của mình ở thành phố với đủ mọi **tiện nghi** sang trọng và sung sướng. Từ "**tiện nghi**" có nghĩa là:

   - *Đồ dùng cần thiết, thuận lợi.*
   - *Đồ dùng không cần thiết.*
   - *Đồ dùng để nấu ăn.*

3. Nghe chuyện, Chuột Đồng **ao ước** được lên thành phố. Từ "**ao ước**" có nghĩa là:

   - *Cầu xin.*
   - *Chê bai.*
   - *Mong muốn.*

4. ...chúng thấy trên bàn ăn còn lại những thứ thức ăn **thừa** của một bữa tiệc rất sang trọng... Từ "**thừa**" có nghĩa là:

   - *Cũ, lâu ngày.*
   - *Dư, còn lại.*
   - *Thiếu, không đủ.*

5. Bạn có thể có những thứ **xa xỉ** và những món ăn ngon mà tôi chẳng có... Từ "**xa xỉ**" có nghĩa là:

   - *Cần thiết.*
   - *Dư thừa, không cần thiết.*
   - *Rẻ tiền.*

6. ...tôi lại thích những thứ thức ăn thanh đạm và cuộc sống **giản dị** ở đồng quê... Từ "**giản dị**" có nghĩa là:

   - *Cầu kỳ.*
   - *Đơn sơ, không cầu kỳ.*
   - *Sang trọng.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-18 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Chuot nha chi an lay le, nham nhap mot chut mon nay, mot chut mon kia.

Khi Chuot nha moi Chuot Dong ve nha voi minh o thanh pho, no sung suong nhan loi ngay.

Nhung ngay khi Chuot Dong vua sap nham nhap mot chut banh ngot, no nghe thay tieng con meo keu that lon.

Toi lai thich nhung thu thuc an thanh dam va cuoc song gian di o dong que.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-18 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-18 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Nghe chuyện, Chuột Đồng ao ước đượt lênh thảnh phố. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Khi chúng về đến ngôi biệt thự mà Chuột Nhà đang sốn, chúng thấy trên bằn ăn còn lạy những thứ thức ăn thừa. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Tôi lạy thích những thứ thức ăn than đạm và cuộc sống giãn dị ở đồng quê. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Văn Phạm (Mệnh Đề)

(Hãy cho biết những mệnh đề sau là mệnh đề chính hay mệnh đề phụ. Nếu là mệnh đề phụ, dùng mệnh đề phụ đó viết thành một câu hoàn chỉnh.)

1. Trên cái bàn học ở góc tường.

_____

_____

_____

2. Bà ngoại phải uống thuốc vì bị bệnh cao máu.

_____

_____

_____

3. Từ khi bé Thiên biết nói.

_____

_____

_____

4. Lúc Nga băng qua đường.

_____

_____

_____

5. Huy tìm đôi giày của mình khắp nơi nhưng không thấy.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Biết:	*know*	**Phá:**	*misbehaved*
Giỡn:	*kidding*	**Sổ điểm:**	*report card*

Tài mới đi học về. Thầy giáo có lời nhắn…

Tài: Thưa bố mẹ, con mới đi học về.
Dad and mom, I'm home from school.

Mẹ: Giỏi. Hôm nay học có vui không con?
Good. Was it fun studying today?

Tài: Dạ vui. Bố mẹ ơi, thầy Hiếu mời bố mẹ đến lớp gặp thầy tuần sau.
Yes ma'am, it was fun. Dad and mom, thầy Hiếu asked that you come to class to meet with him next week.

Mẹ: Con có biết về chuyện gì không?
Do you know what it is about?

Tài: Chắc là tại con phá trong lớp… Con giỡn thôi. Con nghĩ thầy Hiếu muốn bố mẹ tới nhận sổ điểm của con.
Maybe because I misbehaved in class… I am just kidding. I think thầy Hiếu wanted you to come to get my report card.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Attend:	*dự*	**Party:**	*tiệc*
Birthday:	*sinh nhật*	**Also:**	*cũng… luôn*

Đức asked that you come to his house to attend a party next week.

_____

_____

_____

Maybe because it's his birthday…

_____

_____

_____

I think Đức wanted dad to come also.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 19: Rìu Vàng Rìu Bạc

Thứ Hai: Tập Đọc

Rìu: *axe*	**Xuất hiện:** *appear*	**Rối rít:** *hastily*
Hài lòng: *satisfied*	**Lương thiện:** *honest*	**Gian dối:** *dishonest*

Một bác tiều phu nghèo đang chặt cây để kiếm sống ở gần bờ sông. Bỗng bác trượt tay và làm rớt chiếc rìu xuống sông.

Bác buồn rầu và lo lắng vì chiếc rìu là tất cả tài sản của bác.

Ngay lúc đó, một vị thần xuất hiện và sau khi nghe bác kể chuyện, liền lặn xuống sông.

Khi trở lên, thần cầm chiếc rìu bằng vàng và hỏi bác tiều phu:

— *Có phải chiếc rìu này không?*

— *Không, nó không phải của tôi đâu.*

Thần để chiếc rìu vàng trên bờ và lại lặn xuống lần nữa.

Lần này thần mang lên một chiếc rìu bạc, nhưng bác vẫn bảo là không phải. Lần thứ ba, thần mang lên đúng chiếc rìu của bác. Bác rối rít cảm ơn vị thần. Thần hết sức hài lòng trước sự lương thiện của bác nên ban cho bác cả hai chiếc rìu vàng và bạc.

Bác tiều phu về nhà và đem chuyện được thần ban rìu vàng, rìu bạc kể lại với người bạn.

Hôm sau, người bạn đi vào rừng, giấu chiếc rìu trong một bụi cây và giả vờ bị mất. Rồi ông ta khóc lóc kêu gọi thần đến giúp tìm. Thần lại hiện ra như hôm trước. Nhưng khi thần đưa chiếc rìu vàng, ông nhận ngay là rìu của mình.

Thần tức giận vì sự gian dối của ông. Thay vì cho rìu vàng, thần lại gõ cho ông một cú vào đầu thật đau và đuổi ông về nhà. Hôm sau, khi ông trở lại để tìm chiếc rìu mà ông đã giấu trong bụi cây, ông cũng chẳng tìm thấy nó.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Bác tiều phu mất rìu ở đâu?

2. Tại sao thần cho bác cả hai chiếc rìu vàng và bạc?

3. Tại sao thần lại phạt người bạn?

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Ngay lúc đó, một vị thần **xuất hiện**... Từ "**xuất hiện**" có nghĩa là:

   - *Biến mất.*
   - *Hiện ra, lộ mặt ra.*
   - *Trốn mất.*

2. Bác buồn rầu và **lo lắng** vì chiếc rìu là tất cả tài sản của bác. Từ "**lo lắng**" có nghĩa là:

   - *Không yên tâm, e ngại.*
   - *Vui sướng.*
   - *Yên tâm.*

3. Bác buồn rầu và lo lắng vì chiếc rìu là tất cả **tài sản** của bác. Từ "**tài sản**" có nghĩa là:

   - *Của cải.*
   - *Đồ ăn.*
   - *Đồ uống.*

4. Thần hết sức **hài lòng** trước sự lương thiện của bác nên ban cho bác cả hai chiếc rìu vàng và bạc. Từ "**hài lòng**" có nghĩa là:

   - *Chán nản.*
   - *Tức giận.*
   - *Vui vẻ bằng lòng.*

5. Thần hết sức hài lòng trước sự **lương thiện** của bác nên ban cho bác cả hai chiếc rìu vàng và bạc. Từ "**lương thiện**" có nghĩa là:

   - *Đần độn, ngu si.*
   - *Không thật thà, gian dối.*
   - *Thật thà, không gian dối.*

6. Thần tức giận vì sự **gian dối** của ông. Từ "**gian dối**" có nghĩa là:

   - *Dối trá, không thật thà.*
   - *Khôn ngoan.*
   - *Thật thà, không dối trá.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-19 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Ngay luc do, mot vi than xuat hien va sau khi nghe bac ke chuyen, lien lan xuong song.

Than het suc hai long truoc su luong thien cua bac nen ban cho bac ca hai chiec riu vang va bac.

Nhung khi than dua chiec riu vang, ong nhan ngay la riu cua minh.

Thay vi cho riu vang, than lai go cho ong mot cu vao dau that dau va duoi ong ve nha.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-19 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-19 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Bỗng bác trược tay và lằm rớt chiếc rìu xuống sôn. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Lần nài thần măng lên một chiết rìu bạc, nhưng bác vẫn bảo là không phải. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thay vì cho rìu vàng, thằn lại gõ cho ông mộc cú vào đầu thật đau và đuổi ôn về nhà. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Văn Phạm – Câu Kép

(Giúp các em nối những câu sau thành một câu kép.)

1. Chị Vân nhặt rau. Anh Hải nướng thịt.

_____

_____

_____

2. Bé Nga đang tập đi và tập nói. Em chạy khắp nhà và cứ nói bi bô suốt ngày.

_____

_____

_____

3. Cả nhà ăn cơm tối xong. Đức rủ bố ra phòng khách chơi trò chơi điện tử.

_____

_____

_____

4. Chị Trâm đánh đàn hay lắm. Chị học đánh đàn khi còn ở Việt Nam.

_____

_____

_____

5. Cả nhà đi chơi hết. Ngân phải tự nấu ăn.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Ước:	*wish*	**Bất ngờ:**	*unexpected*
Lo lắng:	*worried*	**Nghiêm trọng:**	*serious*
Cá nhân:	*personal*	**Giúp đỡ:**	*help*

Hòa rất muốn đi dự tiệc với các bạn, nhưng gặp phải chút việc. Anh ta bề ngoài tỏ vẻ không muốn bàn về chuyện này, trong khi bạn của anh ta hy vọng việc đó không nghiêm trọng…

Hạnh: Hòa, cậu có đi với tụi này không?
Hòa, are you coming with us?

Hòa: Tớ ước gì mình đi được, nhưng có việc bất ngờ đã xảy ra.
I wish I could, but something unexpected has come up.

Hạnh: Chuyện gì vậy? Hèn chi cậu trông có vẻ lo lắng như thế. Mong là không phải chuyện gì nghiêm trọng.
What's wrong? No wonder you look so worried. Hope it's nothing serious.

Hòa: Không có gì, chỉ là việc cá nhân thôi.
It's nothing, just something personal.

Hạnh: Ồ, được rồi. Nhưng nếu cậu cần sự giúp đỡ, cho tớ biết nhé!
OK. But if you need help, let me know!

Hòa: Chắc chắn! Nếu tớ cần gì, tớ sẽ báo cho cậu biết.
Sure! If I need anything, I will let you know.

Chuyển Ngữ
(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Going to the movies:	*đi coi phim*	**Change mind:**	*đổi ý*

Are you going to the movies with us?

_____

_____

_____

I wish I could, but I have to go home.

_____

_____

_____

If you change your mind, let me know.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Bài 20: Con Lừa Và Hai Bố Con

Thứ Hai: Tập Đọc

Con lừa: *donkey*	**Kính trọng:** *respect*	**Sụm:** *collapse*
Cảnh tượng: *sight, spectacle*	**Tội nghiệp:** *pitiful*	**Có lý:** *make sense*

Có một ông chủ cùng đứa con trai dắt một con lừa ra chợ để bán. Có một vài người đi trên đường trông thấy họ bèn cười lớn và chê: "*Sao ngu thế, có lừa không cưỡi lừa mà lại đi bộ.*" Chủ lừa không muốn bị chê cười nên ông bảo con trai leo lên lưng lừa mà cưỡi.

Đi được một quãng đường nữa, họ gặp ba người lái buôn đi qua. "*Sao bất hiếu thế,*" họ la lên, "*phải biết kính trọng tuổi già chứ!*" Mặc dù chẳng mệt, nhưng ông chủ cũng bảo con trai xuống và ông leo lên cưỡi, để khỏi phải giải thích với họ.

Đi thêm một đoạn nữa, họ gặp những người phụ nữ. "*Sao ích kỷ thế,*" một người la lên, "*ông già chỉ biết cưỡi có một mình, còn thằng con thì bắt phải đi bộ.*" Ông chủ hơi phật ý, nhưng để cho khỏi chướng mắt họ, ông bảo con leo lên ngồi sau lưng lừa.

"*Sao lười thế,*" một người la lên, "*bắt con lừa ốm yếu cõng cả hai người khỏe mạnh, ra đến chợ chắc nó sụm luôn.*"

"*Chắc là họ chỉ muốn bán có tấm da của nó thôi,*" một người khác nói.

Hai cha con vội vàng leo xuống.

Chỉ một lát sau, cả chợ ồ lên cười khi thấy hai bố con gánh con lừa vào chợ. Họ ùa chạy ra để coi cái cảnh tượng có một không hai này. Con lừa vừa bị khiêng, vừa bị dòm ngó và trêu cười, nó liền đá tung lên và kêu "*be be*". Ngay khi họ bước ngang qua một cái cầu, dây thừng buộc nó đứt ra và nó rơi tỏm xuống nước, bị nước cuốn trôi mất.

Ông chủ lừa tội nghiệp buồn bã bỏ đi về. Vì cứ làm theo lời người ta, cuối cùng cũng chẳng biết ai là có lý; ông đã bị mất con lừa.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Có bao nhiêu lần hai bố con làm theo lời người khác? Hãy tóm tắt những việc làm đó.

_____

_____

_____

_____

_____

_____

2. Cuối cùng hai bố con có bán được lừa không? Việc gì đã xảy ra?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

3. Em rút ra được bài học gì từ mẫu truyện này?

_____

_____

_____

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Mặc dù chẳng mệt, nhưng ông chủ cũng bảo con trai xuống và ông leo lên cưỡi, để khỏi phải **giải thích** với họ. Từ "**giải thích**" có nghĩa là:

   - *La hét.*
   - *Nói rõ ra hơn.*
   - *Im lặng.*

2. Ông chủ hơi **phật ý**... Từ "**phật ý**" có nghĩa là:

   - *Không vừa lòng.*
   - *Lo lắng.*
   - *Ý của Đức Phật.*

3. ...nhưng để cho khỏi **chướng mắt** họ, ông bảo con leo lên ngồi sau lưng lừa. Từ "**chướng mắt**" có nghĩa là:

   - *Bực mình.*
   - *Có cặp mắt đẹp.*
   - *Hài lòng.*

4. ...bắt con lừa ốm yếu cõng cả hai người khỏe mạnh, ra đến chợ chắc nó **sụm** luôn. Từ "**sụm**" có nghĩa là:

   - *Bay lên cao.*
   - *Ngủ ngon.*
   - *Quỵ, sụp xuống.*

5. Họ ùa chạy ra để coi cái cảnh tượng **có một không hai** này. Từ "**có một không hai**" có nghĩa là:

   - *Đáng sợ.*
   - *Không thể đếm được.*
   - *Lạ lùng.*

6. Ông chủ lừa **tội nghiệp** buồn bã bỏ đi về. Từ "**tội nghiệp**" có nghĩa là:

   - *Đáng thương.*
   - *Đau yếu.*
   - *Không nói lên lời.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-20 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)

Chu lua khong muon bi che cuoi nen ong bao con trai leo len lung lua ma cuoi.

"Sao bat hieu the," ho la len, "phai biet kinh trong tuoi gia chu!"

"Chac la ho chi muon ban co tam da cua no thoi," mot nguoi khac noi.

Ho ua chay ra de coi cai canh tuong co mot khong hai nay.

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-20 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)

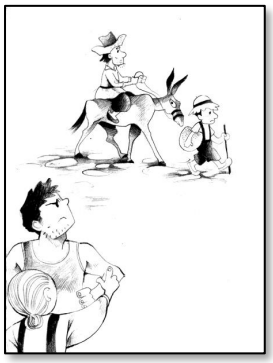

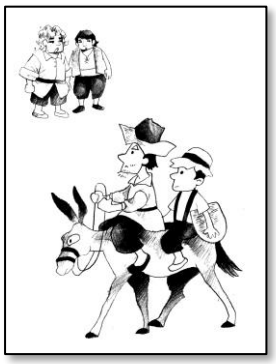

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-20 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Chủ lừa không muống bị trê cười nên ông bão con trai leo lên lưng lừa mà cưỡi. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Đi thêm một đoạng nứa, họ gập những người phụ nữ. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Chỉ một lác sau, cả chợ ồ lênh cười khi thấy hay bố con gánh con lừa vào chợ. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Thứ Năm: Văn Phạm – Câu Phức

(Giúp các em nối những câu sau thành một câu phức.)

1. Hải xin mẹ tiền. Hải muốn mua một cuốn truyện.

_____

_____

_____

2. Hôm nay là ngày sinh nhật của Tú. Ông tặng cho Tú một chiếc xe đạp.

_____

_____

_____

3. Trời bắt đầu lạnh. Đức khoác thêm chiếc áo lạnh khi ra khỏi nhà.

_____

_____

_____

4. Nhân thường quên không đánh răng trước khi đi ngủ. Nhân bị đau răng.

_____

_____

_____

5. Quân thích đi câu cá. Hải lại thích đi cắm trại.

_____

_____

_____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Kẹt xe:	*traffic jam*	**Tai nạn:**	*accident*
Dặm:	*mile*	**Mặc dù:**	*even though*

Bố và Việt đang trên đường đi dự tiệc đám cưới của người bà con. Lúc này xe đang chạy ở ngoài xa lộ…

Bố: Trời ơi, bị kẹt xe rồi, xe đi chậm như rùa.
Oh, my goodness, traffic jam; cars are moving like turtles.

Việt: Con nghĩ là đằng trước có tai nạn.
I think there's an accident ahead.

Bố: Cứ như vầy mình sẽ bị trễ.
At this rate we'll be late.

Việt: Hay là mình đi đường khác nhe bố?
Why don't we take a different route, dad?

Bố: Còn ba phần tư dặm nữa thì có lối rẽ xuống đường nhỏ. Mình sẽ vào đường trong mà đi.
Three quarters of a mile ahead there's an exit to a small road. We'll take the in-roads.

Việt: Con nghĩ mình nên làm như vậy mặc dù đi đường trong có thể xa hơn.
I think we should do that even though the in-roads may be longer.

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Go back:	*đi về, trở về*	**Gas station:**	*trạm xăng*
Stop:	*ngừng*	**Get gas:**	*đổ xăng*

Why don't we go back, dad?

_____

_____

_____

There's a gas station three quarters of a mile ahead.

_____

_____

_____

I think we should stop to get gas.

_____

_____

_____

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

Trường Thánh Tôma Thiện

Giáo Xứ Thánh Giuse
1902 S. Belt Line Road
Grand Prairie, Texas 75051
www.tomathien.org